PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024

HỌ TÊN HỌC SINH:.....
LỚP: 6A.....

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 07 năm 2023

TRƯỜNG: THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN
TỔ: TIN – CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: TIN HỌC 6

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Bài 4: Mạng máy tính.
- Bài 5: Internet.
- Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu.
- Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet.
- Bài 8: Thư điện tử.

B. CÂU HỎI GỢI Ý

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7Đ)

Câu 1. Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?
A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khoá học trực tuyến.
C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.
D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 2. Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?
A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.
B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu của họ.
C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.
D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của Internet?
A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu.
B. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú.
C. Không thuộc quyền sở hữu của ai.
D. Thông tin chính xác tuyệt đối.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không chính xác?
A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
C. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại,...
D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

Câu 5. Mạng máy tính gồm các thành phần:
A. Máy tính và thiết bị kết nối.
B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
D. Máy tính và phần mềm mạng.

Câu 6. Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi
A. Người quản trị mạng máy tính.
B. Người quản trị mạng xã hội.
C. Nhà cung cấp dịch vụ Internet.
D. Một máy tinh khác.

Câu 7. World Wide Web là gì?
A. Một trò chơi máy tính
B. Một phần mềm máy tính
C. Là mạng thông tin toàn cầu
D. Tên khác của Internet

Câu 8. Trang siêu văn bản là:

A. Trang văn bản thông thường không chứa liên kết.
B. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và chứa các liên kết.
C. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau không chứa liên kết.
D. Trang văn bản đặc biệt được thể hiện dưới dạng thư điện tử.

Câu 9. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

A. Internet Explorer B. Mozilla Firefox C. Cốc Cốc D.Windows Explorer

Câu 10. Khi tìm kiếm thông tin bằng máy tìm kiếm, kết quả là danh sách các liên kết thể hiện dưới dạng?

A. Văn bản, giấy, kí hiệu C. Âm thanh, hình ảnh, kí hiệu đặc biệt
B. Kí tự, hình ảnh, âm thanh D. Văn bản, hình ảnh, video

Câu 11. Phát biểu nào không đúng khi nói về Internet?

A. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin,...
B. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do một tổ chức, cá nhân nào điều hành.
C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
D. Một mạng kết nối các máy tính lại và được tổ chức, giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 12. Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là:

A. Hỏi địa chỉ người khác C. Di chuyển theo đường liên kết của các trang web
B. Nhờ người khác tìm hộ D. Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khoá

Câu 13. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là:

A. Trình duyệt web B. Địa chỉ webC. Website D. Công cụ tìm kiếm

Câu 14. Máy tìm kiếm là gì?

A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus.
B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn.
C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet.
D. Một website đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet.

Câu 15. Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

A. Google B. Word. C. Windows Explorer D. Facebook

Câu 16. Đặc điểm nào sau đây không phải là ưu điểm của thư điện tử?

A. Có thể gửi kèm tệp C. Gửi và nhận thư nhanh chóng
B. Ít tốn kém D. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức

Câu 17. Khi đăng kí thành công một tài khoản thư điện tử, em cần nhớ gì để có thể đăng nhập vào lần sau?

A. Tên đăng nhập và mật khẩu hộp thư C. Ngày tháng năm sinh đã khai báo
B. Tên nhà cung cấp dịch vụ Internet D. Địa chỉ thư của những người bạn

Câu 18. Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

A. Địa chỉ nhà B. Mật khẩu C. Máy tính đang dùng D. Địa chỉ thư điện tử

Câu 19. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

A. https://www.tienphong.vn C. https://haiha002@gmail.com
B. www \\ tienphong.vn D. https \\: www. tienphong.vn

Câu 20. Để tìm kiếm thông tin về Virus Corona, em sử dụng từ khoá nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

A. Corona B. Virus Corona C. "Virus Corona" D. ."Virus"+"Corona"

Câu 21. "Người sử dụng có thể tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi... thông tin một cách thuận lợi, nhanh chóng ở mọi nơi, mọi lúc". Theo em, đây là đặc điểm nào của Internet?

A. Tính toàn cầu
C. Tính dễ tiếp cận
B. Tính tương tác
D. Tính không chủ sở hữu

Câu 22. Mỗi website bắt buộc phải có

A. Tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu
C. Địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu
B. Một địa chỉ truy cập
D. Địa chỉ thư điện tử

Câu 23. Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có kí hiệu nào?

A. $ B. & C. @ D. #

Câu 24. Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ thư điện tử?

A. www.nxbgd.vn
C. Hoangth&hotmail.com
B. thu_hoai.432@gmail.com
D. Hoa675439@gf@gmail.com

Câu 25. Em chỉ nên mở thư điện tử được gửi đến từ

A. Những người em biết và tin tưởng
C. Các trang web ngẫu nhiên
B. Những người em không biết
D. Những người có tên rõ ràng

Câu 26. Từ khoá là gì?

A. Là từ dùng để khóa tài khoản thư điện tử.
B. Là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.
C. Là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.
D. Là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 27. Kết quả của việc tìm kiếm bằng máy tìm kiếm là

A. Danh sách tên tác giả các bài viết có chứa từ khoá tìm kiếm.
B. Danh sách các liên kết trỏ đến trang web có chứa từ khoá tìm kiếm.
C. Danh sách trang chủ của các website có liên quan.
D. Nội dung của một trang web có chứa từ khoá tìm kiếm.

Câu 28. Em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9
B. Mật khẩu gồm các kí tự như chữ hoa, chữ thường, chữ số, kí tự đặc biệt
C. Mật khẩu là ngày sinh của mình
D. Mật khẩu giống tên của địa chỉ thư

Câu 29. Khi nghi ngờ thư điện tử nhận được là thư rác, em sẽ xử lí như thế nào?

A. Mở ra đọc xem nội dung viết gì
C. Trả lời lại thư, hỏi đó là ai
B. Xoá khỏi hộp thư
D. Gửi thư đó cho người khác

Câu 30. Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ:

A. Máy in B. Bàn phím C. Máy quét D. Dữ liệu

Câu 31. Nếu bạn đang xem một trang web và bạn muốn quay lại trang trước đó, bạn sẽ nháy chuột vào nút nào trên trình duyệt?

A. → B. C. ← D.

Câu 32. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?

A. Máy tính B. Máy in C. Bộ định tuyến D. Máy quét

PHẦN II. TỰ LUẬN (3Đ)

Câu 1: Điền các cụm từ được cho dưới đây vào hình ảnh tương ứng (1đ)

Biểu tượng của một máy tìm kiếm, danh sách các liên kết dạng hình ảnh, Hình ảnh Khu di tích Nhà tù Phú Lợi, Danh sách các liên kết dạng tin tức

<table>
<tr>
<td>
.....</td>
<td>
.....</td>
</tr>
<tr>
<td> 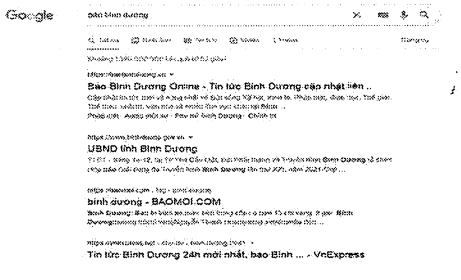
.....</td>
<td>
.....</td>
</tr>
</table>

Câu 2: Trình duyệt là gì? Kể tên các trình duyệt mà em biết? (1đ)

- Trình duyệt là phần mềm giúp ngời sử dụng truy cập các trang web trên Internet.
- Một số trình duyệt như: Mozilla Firefor, Google Chrome, Safari, Cốc cốc, Microsoft Edge…

Câu 3: Hãy nêu những lợi ích của Intrenet. (1đ)

- Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả.
- Học tập và làm việc trực tuyến.
- Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú.
- Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống.
- Là phương tiên vui chơi, giải trí.

---------- **HẾT** ----------

Ngày 29/11/2023

Duyệt của BGH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Đinh Thị Ngọc Linh

GVBM

Nguyễn Hồng Duyên

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI – NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Giáo dục địa phương 6

(Phần Địa lý địa phương chủ đề 2+chủ đề 6)

Câu 1. Bình Dương thuộc vùng nào của đất nước?

A. Đông Nam Bộ B. Tây Nam Bộ C. Bắc Bộ D. Trung Bộ

Câu 2. Khí hậu Bình Dương phân thành mấy mùa rõ rệt?

A. 1 mùa **B. 2 mùa** C. 3 mùa D. 4 mùa

Câu 3. Nhiệt độ trung bình năm của Bình Dương dao động từ

A. 20^0C - 22^0C. B. 27^0C - 30^0C. **C. 26^0C - 27^0C.** D. 28^0C - 29^0C.

Câu 4 . Hồ nhân tạo lớn nhất ở Bình Dương là

A. Hồ Cần Nôm . B. hồ Đá Bàn. C. hồ Trị An. **D. hồ Dầu Tiếng**

Câu 5. Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là

A. đất dốc tụ. **B. đất xám.** C. đất phù sa D. đất đỏ vàng

Câu 6. Biến đổi khí hậu ở tỉnh Bình Dương được thể hiện qua

A. hạn hán B. lũ lụt **C. nhiệt độ, lượng mưa tăng** D. xói mòn

Câu 7. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến ngành nào nhiều nhất?

A. công nghiệp B. dịch vụ **C. nông nghiệp** D. giao thông

Câu 8. Mức độ ảnh hưởng thiên tai ở Bình Dương

A. ảnh hưởng thường xuyên. B. rất nặng nề.

C. không chịu ảnh hưởng. **D. ít chịu ảnh hưởng.**

Câu 9. Hiện tượng thời tiết nổi bật của Bình Dương là

A. nhiều bão lũ. **B. ít biến động, ít bão lũ.**

C. khô hạn. D. diễn biến thất thường.

Câu 10. Sông, hồ ở Bình Dương đang đứng trước hiện trạng gì?

A. khô cạn. B. nhiều nước quanh năm.

C. không bị ô nhiễm. **D. ô nhiễm nặng nề.**

Câu 11. Một số hiện tượng thiên tai thường xảy ra ở Bình Dương?

A. Mưa lớn B. Dông, lốc, sét

C. Xâm nhập mặn **D. Dông, lốc, sét, mưa, triều cường, xâm nhập mặn.**

TỰ LUẬN

Câu 1. Kể tên nhóm đất chính ở Bình Dương?

- Đất xám
- Đất phù sa
- Đất vàng
- Đất phèn
- Đất dốc tụ
- Đất xói mòn trơ sỏi đá.

Câu 2. Biến đổi khí hậu là gì? Biểu hiện của biến đổi khí hậu?

- Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người; biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan.

- Biểu hiện của biến đổi khí hậu

+ Nhiệt độ, lượng mưa trung bình tăng.

+ Những đợt mưa lớn, mưa rất lớn có xu hướng ngày càng nhiều hơn.

+ Các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, diễn biến khí hậu không theo quy luật, xâm nhập mặn,... ngày càng gia tăng về tần suất và cường độ.

Câu 3. Nguyên nhân làm cho sự biến đổi khí hậu ở Bình Dương

- Hoạt động của con người là nguyên nhân chính làm gia tăng biến đổi khí hậu ở Bình Dương.

- Trong quá trình sinh hoạt và sản xuất, con người phát thải vào bầu khí quyển các chất khí nhà kính (cacbonnic, mê tan, oxit ni tơ…) làm cho không khí gần bề mặt đất nóng lên, gây biến đổi khí hậu.

Câu 4. Một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo…

- Trồng cây xanh, bảo vệ và phát triển bền vững rừng, nâng cao tỉ lệ che phủ rừng…

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu…

Cho biết những hành động nào của em và gia đình có thể góp phần giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu ở địa phương?

.....

.....

.....

Câu 5. Thiên tai là gì? Nêu các biện pháp phòng tránh?

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Biện pháp phòng tránh

- Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo thời tiết; xây dựng kịch bản ứng phó với thiên tai; khắc phục hậu quả, ổn định đời sống.

Nơi em sống có loại thiên tai nào thường xảy ra? Thiên tai đó gây hậu quả như thế nào đến sản xuất và đời sống của nhân dân?

.....

.....

.....

.....

--- Hết ---

Duyệt ngày 2/12/2023

PHT

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Nguyễn Thị Miên

REVISION OF THE FIRST TERM TEST ENGLISH 6
(2023 – 2024)

UNIT 1: MY NEW SCHOOL

Grammar: The Present Simple Tense *(Thì hiện tại đơn)*

- Chúng ta sử dụng thì hiện tại đơn để nói về những hành động hay những sự kiện thường xuyên xảy ra hoặc đã được sắp xếp trước có lịch trình (thời khóa biểu, chương trình).
- Chúng ta sử dụng các *trạng từ chỉ tần suất* để cho biết mức độ thường xuyên của một điều gì đó xảy ra và thường sử dụng chúng với thì hiện tại đơn.

- ***every (mọi, mỗi)...***
- ***always (luôn luôn)***
- ***often (thường)***
- ***usually (thường)***
- ***normally (thông thường)***
- ***sometimes (thỉnh thoảng)***
- ***seldom (ít khi)***
- ***rarely (hiếm khi)***
- ***never (không bao giờ)…***
- ***sometimes (thỉnh thoảng)***

- Chúng ta thường xuyên đặt trạng từ chỉ tần suất trước động từ chính

Ex: Tom *usually* takes the bus to school
Adv Verb
They don't *often* go to the cinema.
Adv Verb

❖ ***Quy tắc thêm "S/ES"***

a/ Nếu động từ tận cùng là (O, S, Ch, X, SH, Z) thì ta thêm "ES" vào sau động từ
Ex: watch → watch**es**; go → go**es**
Ngược lại nếu động từ không có tận cùng như trên thì ta chỉ thêm "S".
Ex: read → read**s**; eat → eat**s**

b/ Nếu động từ có tận cùng là phụ âm là "Y" → ta bỏ Y rồi thêm –ies.
Ex: study → stud**ies**; fly → fl**ies**

c/ Nếu động từ có tận cùng là nguyên âm (u,e,a,i) +Y thì ta thêm "S" .
Ex: live → live**s**; make → make**s**

❖ ***Công thức :*** TRƯỜNG HỢP 1: ĐỘNG TỪ LÀ **«TO BE» (am/is/are)**

TENSE		**SIMPLE PRESENT**	
Công Thức với động từ "To be"	**Thể khẳng định**	I **am** + ... He / She / It + **is** ... We / You / They + **are** ...	**Ex:** I *am* a student. He *is* a student. We *are* students.
	Thể phủ định	I **am not** + ... He/She/It + **is not (isn't)** ... We/ You/ They + **are not (aren't)** ...	**Ex:** I *am not* a student. He *isn't* a student. We *aren't* students.
	Thể nghi vấn	**Am** + I + ... ? **Is** + he / she / it + ... ? **Are** + we / you / they + ...? → Yes, S + **am/is/are**. → No, S + **am/is/are** + **not**	**Ex:** *Is* he a student? - Yes, he *is*. / No, he *isn't*. *Are* you a student? - Yes, I *am*./ No, I *'m not*. *Are* you students? - Yes, we *are*./ No, we *aren't*.

TRƯỜNG HỢP 2: **ĐỘNG TỪ THƯỜNG**

SIMPLE PRESENT		
Positive form (Thể khẳng định)	I/ We / You / They + **Vo** He / She / It + **Vs/es**	**Ex:** I often **get** up at 6:00. She often **gets** up at 6:00. He **brushes** his teeth every morning.
Negative form (Thể phủ định)	I/We/You /They + **do not** + **Vo** **(don't)**	I **don't** often **get** up at 6:00.
	He / She / It + **does not + Vo** **(doesn't)**	She **doesn't** often **get** up at 6:00 . He **doesn't brush** his teeth every morning.
Interrogative form (Thể nghi vấn)	Do + I/you/we/they + **Vo ?** → **Yes, S + do / No, S + don't.**	**Do** you often **get** up at 6:00 ? - Yes, I **do**. / No, I **don't**.
	Does + he/she/it + **Vo ?** →**Yes, S + does /** **No, S + doesn't.**	**Does** she **get** up at 6:00 ? - Yes, she **does**. / No, she **doesn't**. **Does** he **brush** his teeth every morning? - Yes, he **does**. / No, he **doesn't**.

Pronunciation: Sound: /ɑ:/ and /ʌ/

Vocabulary:

- School things and activities *(Đồ dùng học tập và các hoạt động)*
- Verbs (*play, do, have, study*) + Noun

UNIT 2: MY HOUSE

Grammar: Possessive case *(Sở hữu cách)*

- We use 's after a proper name. *(Chúng ta sử dụng **'s** sau tên của người sở hữu)*
  Example: This is **Elena's** room.
- We use 's after a singular noun. *(Chúng ta sử dụng **'s** sau một danh từ số ít)*
  Example: This is my **mum's** book.

Grammar: Prepositions of place *(Giới Từ Chỉ Vị Trí)*

- Prepositions of place describe where people or things are.
  (Giới từ chỉ vị trí diễn tả địa điểm của người hoặc vật ở nơi nào đó)
- These are some prepositions of place:

in (prep)	*ở trong*
on (prep)	*ở trên*
behind (prep)	*ở phía sau*
under (prep)	*ở dưới*
next to (prep)	*cạnh bên*
in front of (prep)	*ở phía trước*
between (prep)	*ở giữa*

❖ **Vocabulary:**

- Types of house *(Những loại nhà)*
- Rooms and furniture. *(Những căn phòng và đồ nội thất)*

❖ **Pronunciation:** Final sounds: /s/ and /z/

UNIT 3: MY FRIENDS

Grammar: ***The Present Continuous Tense (Thì hiện tại tiếp diễn)***

- *Chúng ta sử dụng thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả những hành động đang diễn ra.*

Example: - *She's talking.*
- *They're not talking.*

- *Dấu hiệu nhận biết*

- **now** (ngay bây giờ)
- **at the present** (ngay bây giờ)
- **at the moment** (ngay bây giờ)
- **Look !** *(Nhìn đi)*
- **Listen !** *(Lắng nghe)*
- **Be careful !** *(Cẩn thận)...*

- *Công thức* :

Positive form (Thể khẳng định)	I + **am** + V-ing	I **am watching** film now.
	He/She/It/ số ít + **is** + V-ing	She **is talking** to Mai at the present.
	You/ We/They/ số nhiều + **are** + V-ing	We **are going** to the bookshop.
Negative form (Thể phủ định)	I + **am not** + V-ing	I **am not watching** film now.
	He/She/It/ N (số ít)+ **is not** / **isn't** + V-ing	She **isn't talking** to Mai at the present.
	You/ We/They/ N (số nhiều)+ **are not** / **aren't** + V-ing	We **aren't going** to the bookshop.
Interrogative form (Thể nghi vấn)	**Is** + he/she/it/ N (số ít) + V-ing? → Yes, he/she/it/N (số ít) + **is**. → No, he/she/it/N (số ít) + **isn't**.	**Is** she **talking** to Mai at the present? → Yes, she **is** →No, she **isn't**.
	Are + you/they/ N (số nhiều) + V-ing? → **Yes,** I **am./ No,** I **am not.** → **Yes,** we/they/ N (số nhiều) + **are.** → **No,** we/they / N (số nhiều) + **aren't.**	**Are** you **watching** film now? → Yes, I am. → No, I am not.

Vocabulary:

- Body parts and appearance (*Những bộ phận cơ thể và vẻ bề ngoài*)
- Personality adjectives (*Tính từ chỉ tính cách*)

Pronunciation: Sounds: /b/ and /p/

UNIT 4: MY NEIGHBOURHOOD

❖ **Grammar: Comparative Adjectives (So sánh hơn với tính từ)**

- Chúng ta sử dụng so sánh hơn để so sánh 2 vật hoặc 2 người.

*Example: - Tom is **taller than** Mary.*

*- A house in a city is normally **more expensive than** a house in the countryside.*

I. Short Adjectives:

Tính từ ngắn là tính từ có 1 âm tiết (one – syllable): tall, long, big, short, nice, fast, …

Subject 1 (noun/ pronoun) + to be + ***short adj*** + **er** + **than** + Subject 2 (noun/ pronoun).

Example: smaller → *smaller*

My neighbourhood is *smaller than* your neighbourhood.

Quy tắc thêm "er" vào tính từ ngắn:

1. Những tính từ có tận cùng là -Y, -OW , -ET , -ER thì được xem là tính từ ngắn.

Example: hot □ hotter narrow □ narrower

quiet □ quieter clever □ cleverer

2. Những tính từ tận cùng là -Y thì ta đổi *-y □ -i* rồi mới thêm *-er* vào.

Example: lovely □ lovelier noisy □ noisier

3. Những tính từ tận cùng là -E thì ta chỉ cần thêm R vào.

Example: nice □ *nicer* large □ *larger*

4. Những tính từ tận cùng là một phụ âm mà trước phụ âm đó là một nguyên âm (u-e-o-a-i) thì ta nhân đôi (double) phụ âm rồi mới thêm -ER vào

Example: hot □ *hotter* big □ *bigger*

Exception (ngoại lệ): slow □ *slower*

II. Long Adjectives:

- Tính từ dài là tính từ có 2 âm tiết trở lên (two syllables and more)

Example: modern, peaceful, tired, beautiful, exciting, interesting, expensive, intelligent, …

- Những tính từ có tận cùng là *-ed, -ful, -ing, -ish, -ous*, thì được xem là tính từ dài.

Example: more useful, more delicious, more polluted, more boring…

Subject 1 (noun/ pronoun) + to be + **more** + ***long adj*** + **than** + Subject 2 (noun/ pronoun).

Example:

beautiful → ***more** beautiful* My mother is ***more** beautiful* **than** her mother.

modern → ***more** modern* This car is ***more** modern* **than** that car.

Exceptions: *(Những trường hợp ngoại lệ)*

good *(tốt)* → **better** *(tốt hơn)*

bad *(xấu)* → **worse** *(xấu hơn)*

much/ many → **more** *(nhiều hơn)*

little *(ít)* → **less** *(ít hơn)*

far *(xa)* → **farther/ further** *(xa hơn)*

❖ **Grammar: Suggestions** *(Lời đề nghị):*

Let's + $V_{bare\ infinitive}$ (Chúng ta hãy...)	Ex: Let's ***go*** to the cinema.
Shall we + $V_{bare\ infinitive}$? (Chúng ta sẽ... chứ?)	Ex: Shall we ***go*** to the cinema?
Why don't we + $V_{bare\ infinitive}$? (Tại sao chúng ta không...?)	Ex: Why don't we ***go*** to the cinema?
Would you like to + $V_{bare\ infinitive}$? (Bạn có muốn...?)	Ex: Would you like ***to go*** to the cinema?
How about + V_{ing} ? **(Vậy còn ... thì sao?)**	Ex: How ***about going*** to the cinema?

❖ **Vocabulary:**
- Places in a neighbourhood (Các địa điểm trong một khu phố)

❖ **Pronunciation:** Sounds: /ɪ/ and /i:/

UNIT 5: NATURAL WONDERS OF VIET NAM

Grammar: Countable and uncountable nouns
(Danh từ đếm được & danh từ không đếm được)

- Danh từ đếm được *(Countable nouns)* là người hoặc đồ vật chúng ta có thể đếm được bằng số. Danh từ đếm được có thể có số ít (a rock, an island ...) hoặc có số nhiều (rocks, islands).
- Danh từ không đếm được *(Uncountable nouns)* là những thứ chúng ta không thể đếm được bằng số. Chúng không có dạng số nhiều như water, cream, chocolate...

Countable nouns (Danh từ đếm được)	**Uncountable nouns** (Danh từ không đếm được)
many *(nhiều)*	***much*** *(nhiều)*
a few *(1 ít)*	***a little*** *(ít)*
some *– 1 vài/ 1 số (chỉ dùng trong câu khẳng định)*	
any *– 1 vài/ 1 số (chỉ dùng trong câu phủ định & nghi vấn)*	

Grammar: Modal Verb: MUST / MUSTN'T
- Chúng ta dùng **must** để nói về một thứ rất cần thiết và vô cùng quan trọng.
Ex: We **must** arrive on time *(Chúng ta phải đúng giờ)*
- Chúng ta dùng **mustn't** để nói về một việc không được cho phép.
Ex: You **mustn't** play balls in class *(Bạn không được chơi bóng trong lớp học)*

I / you	**must**	**+ $V_{bare\ infinitive}$**
He / she / it		
You / we / they		
I / you	**mustn't**	
He / she / it		
You / we / they		

❖ **Vocabulary:**
- Things in nature *(Những thứ trong thiên nhiên)*
- Travel items *(Những đồ vật du lịch)*

❖ **Pronunciation:** Sounds: /t/ and /d/

UNIT 6: OUR TET HOLIDAY

Grammar: Should / shouldn't for advice (*Sử dụng should hoặc shouldn't để cho lời khuyên*)
- Chúng ta sử dụng **should** để khuyên về những việc tốt nên làm.
Ex: You **should** keep quiet. (Bạn nên giữ im lặng)
- Chúng ta sử dụng **shouldn't** để đưa ra lời khuyên về những việc không tốt, không nên làm
Ex: You **shouldn't** eat or drink in the classroom. (Bạn không nên ăn hoặc uống trong lớp học)

I	***should/ shouldn't***	**+ V bare infinitive**
He / she / it		
You / we / they		

Grammar: Some / Any for amount *(Từ chỉ số lượng: some/any)*
- Chúng ta sử dụng **SOME** trong khẳng định và **ANY** trong câu phủ định và nghi vấn.

SOME *(dùng trong câu khẳng định)*	**ANY** *(dùng trong câu phủ định và câu nghi vấn)*
(+) My mother bought ***some fruits***. (+) I need ***some milk*** for the cake.	(-) I can't answer ***any questions***. (?) Do you have ***any sugar?***

EXERCISE

A – PHONETICS

Find the word which has a different sound in the part underlined

1) A. carton	**B.** Monday	**C.** subject	**D.** compass
2) A. come	**B.** month	**C.** mother	D. open
3) A. rooms	**B.** rulers	**C.** notebooks	**D.** shoulders
4) A. pencils	**B.** lights	**C.** lamps	**D.** cheeks
5) A. boarding	**B.** climbing	**C.** cupboard	**D.** biscuit
6) A. bread	**B.** teach	**C.** cheap	**D.** peaceful
7) A. excuse	**B.** city	**C.** cathedral	**D.** between
8) A. special	**B.** shopping	**C.** sugar	**D.** summer
9) A. noisy	**B.** outside	**C.** wonders	**D.** desert
10) A. clean	**B.** calendar	**C.** decorate	**D.** celebrate

II. Choose the word which is stressed differently from the rest.

1. A. study	**B.** visit	**C.** behave	**D.** listen
2. A. amazing	**B.** celebrate	**C.** waterfall	**D.** confident
3. A. cathedral	**B.** remember	**C.** natural	**D.** attraction
4. A. dislike	**B.** behave	**C.** nature	**D.** enjoy

5. A. funny	**B.** famous	**C.** Christmas	**D.** canteen
6. A. convenient	**B.** computer	**C.** activity	**D.** gathering
7. A. area	**B.** temple	**C.** blossom	**D.** arrive
8. A. difficult	**B.** exciting	**C.** expensive	**D.** fantastic
9. A. computer	**B.** uniform	**C.** gallery	**D.** furniture
10. A. travel	**B.** gather	**C.** behind	**D.** listen

B – GRAMMAR AND VOCABULARY

III. Choose the correct answer

1. My new school _____ in the centre of the village.

A. are **B.** is **C.** does **D.** do

2. Mi and Vy _____ their bicycles to school every day.

A. rides **B.** riding **C.** ride **D.** are riding

3. Kate _____ Maths at school from Tuesday to Saturday.

A. study **B.** studyes **C.** studies **D.** is studying

4. My father _____ coffee in the morning.

A. usually drink **B.** usually drinks **C.** drink usually **D.** drinks usually

5. _____ go to the art gallery this weekend. - Good idea!

A. How about **B.** Why don't **C.** Shall we **D.** Let's

6. My brother and I_____ get up late on Sundays.

A. don't **B.** aren't **C.** doesn't **D.** isn't

7. Be careful! The car _____ to you.

A. come **B.** comes **C.** coming **D.** is coming

8. In our dining room, _____ four chairs and a table.

A. there is **B.** there are **C.** there isn't **D.** there aren't

9. We live in a town house, but our parents live in a _____ house.

A. country **B.** villa **C.** apartment **D.** city

10. My bedroom is _____ to the bathroom.

A. under **B.** behind **C.** next **D.** in front

11. You should put on _____ under the sunshine.

A. uniform **B.** sun hat **C.** sun cream **D.** plaster

12. The city is always crowded and _____. I don't like it.

A. noisy **B.** quiet **C.** peaceful **D.** exciting

13. Linda _____ for school.

A. never is late **B.** is late never **C.** is never late **D.** never late is

14. _____ science class this Wednesday morning?

A. Is she having **B.** Does have she

C. Does she have **D.** Is she studying

15. Ms. Michelle _____ on Monday and Wednesday.

A. is teaching me history **C.** teaches me history

B. is teaching history me **D.** teaches history me

16. Mai: What are you doing this afternoon?

Nga: I don't know, but I'd like to _____ swimming.

A. have **B.** go **C.** play **D.** do

17. I have _____ questions to ask you.

A. a **B.** a few **C.** a little **D.** any

18. How _____ salt do you need for your soup, grandma?

A. many **B.** much **C.** any **D.** some

19. On New Year's Day, children in China _____ their grandparents Happy New Year and they give lucky money.
A. cheer **B.** strike **C.** break **D.** wish
20. In London people cheer and sing when the clock _____ midnight on New Year's Eve.
A. strikes **B.** goes **C.** see **D.** gets
21. Hoi An is a _____city and it is famous for its old buildings, shops, pagodas and houses.
A. historic **B.** historian **C.** histories **D.** history
22. My neighborhood is great for outdoor activities _____ it has beautiful parks, sandy beaches and fine weather.
A. but **B.** so **C.** because **D.** and
23. My brother studies English _____ than me.
A. good **B.** gooder **C.** better **D.** worst
24. We _____cook banh chung because we will buy it.
A. must **B.** won't **C.** mustn't **D.** will
25. Living in the countryside is _____ than living in a city.
A. peaceful **B.** peacefuller **C.** more peaceful **D.** peacefuler
26. What are the Vietnamese people _____? – They are very friendly and kind.
A. like **B.** love **C.** liking **D.** look
27. Mary: Whose is this pencil?
Peter: It's _____
A. of Nick **B.** Nick's **C.** Nicks' **D.** Nick of
28. What does your mother _____ like? - She has a small nose and big eyes.
A. see **B.** look **C.** be **D.** have
29. Kim is very _____. She pays attention to what she's doing.
A. confident **B.** creative **C.** careful **D.** shy

30. Nhung shared her lunch with me today. She's very _____.
A. shy **B.** careful **C.** kind **D.** active
31. Ha Long Bay is famous _____ its beautiful islands.
A. for **B.** in **C.** with **D.** on
32 _____ your father _____ exercise every morning?
A. Do – do **B.** Does – do **C.** Do – does **D.** Does – does
33. What do you usually do in your free time? – I enjoy _____ pictures.
A. draw **B.** draws **C.** drawing **D.** is drawing
34. Viet Nam is very nice. It has _____ natural wonders.
A. a few **B.** a little **C.** much **D.** many
35. Are there _____ interesting activities in Viet Nam during Tet?
– Yes, there are _____ traditional games like human chess, running and cooking.
A. some – any **B.** any – some **C.** some – some **D.** any – any
36. _____ do you watch the news programme? – Four times a week.
A. How much **B.** How far **C.** How long **D.** How often
37. Where is Phong? – He _____ a book in the living room.
A. reads **B.** reading **C.** are reading **D.** is reading
38. It is a place where we can do physical exercise, often with equipment.
A. factory **B.** gym **C.** café **D.** library
39. Young people like city life because it is _____ countryside life.
A. more than inconvenient **C.** more convenient than
B. more inconvenient than **D.** inconvenient more than

40. Nick is very good at English and history, but she _____ maths much.
A. don't like **B.** doesn't like **C.** like **D.** doesn't likes

41. There are some famous tourist _____ in Viet Nam such as Ha Long Bay and Sapa.
A. cuisine **B.** wonder **C.** travel items **D.** attractions

42. Choose the word that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in the following sentence:

The streets are crowded with traffic, so it's very ***noisy***.
A. busy **B.** modern **C.** quiet **D.** boring

43. Choose the word that is CLOSEST in meaning to the underlined part in the following sentence:

She has a ***cozy*** little appartment in Boston.
A. messy **B.** comfortable **C.** lazy **D.** dirty

44. Can you _____ me the _____ to the supermarket?
A. show/ road **B.** tell/ road **C.** tell/ street **D.** show/ way

45. Circle the letter A, B, C or D to indicate the mistake in the four underlined parts of each sentence:

How many sugar do you need for your tea, Peter?
A **B** **C** **D**

C – COMMUNICATION

IV. 1) Match the item in column A with the item in column B

A	B
1. I am John. Nice to meet you	a. It's at the end of January.
2. How do you go to school?	b. Yes, sure.
3. What is your favorite subject at school?	c. I am Mary. Nice to meet you, too.
4. You can use my calculator.	d. Thanks so much.
5. Does she have a round face?	e. Yes, she is.
6. Can you pass me the pen, please?	f. By bike.
7. Look! Mai is coming with someone.	g. Let's ask the girl over there for help.
8. I think we're lost.	h. Oh, who's that?
9. When is Tet this year?	i. Ofcourse, English!
10. Is Lan friendly and funny?	j. No, she doesn't.

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.

2) Choose A-E to complete the following online conversation between Nick and Mi.

Mi: Wow! Your room looks so big, Nick.
Nick: It's Elena's room. she's my sister.
Mi: I see. Is there a TV behind you?
Nick: **(1)** _____. Where do you live, Mi?
Mi: **(2)**_____. And you?
Nick: I live in a country house. **(3)** _____
Mi: My parents and younger brother. We're moving to a flat next month!
Nick: Are you?
Mi: Yes. **(4)** _____, and I can play with my cousin.
Nick: Are there many rooms in your new flat?
Mi: Yes, there are. **(5)** _____.

A. My aunt lives near there
B. Who do you live with?
C. There's a living room, three bedrooms, a kitchen and two bathrooms
D. Yes, there is
E. I live in a town house

D – READING

V. Choose A, B, C or D for each blank in the texts below

Passage 1: Tet (1) _____ is the most important occasion in Viet Nam. It is the time for family gathering and reunion. People often prepare for Tet even some weeks (2) _____ the holiday itself. They (3) _____ the houses and paint the walls. They all want their home to look nice for Tet. On the New Year's Eve, the whole family gather and (4) _____ dinner together. They talk about things that happen during the previous year, and all wish for good luck in the new year. When midnight strikes, they enjoy the beautiful (5) _____. Some go to pagodas. Children get lucky money or presents during Tet holiday.

1. A. celebrate	**B.** gathering	**C.** wonderful	**D.** holiday
2. A. after	**B.** on	**C.** at	**D.** before
3. A. cheer	**B.** celebrate	**C.** clean	**D.** hang
4. A. get	**B.** have	**C.** go	**D.** buy
5. A. best wishes	**B.** firework	**C.** relative	**D.** celebration

Passage 2: I live in a district in Ha Noi. I like my (1) _____ very much because it's nice and less polluted than other areas in Ha Noi. There are many trees around here so it is very cool. The air is also (2) _____. There is a large playground so we can play badminton in late afternoons. Children in the area can also go skating. It is very (3) _____ to live here because it is easy to get around. In the area, there is a primary school, a small market, some minimarts. Sometimes we can buy things in the (4) _____. My neighbours here are also very kind and (5) _____ . They look after my house when I am away.

1. A. neighbour	**B.** neighbourhood	**C.** suburb	**D.** place
2. A. pulluted	**B.** dirty	**C.** noisy	**D.** fresh
3. A. convenient	**B.** inconvenient	**C.** boring	**D.** exciting
4. A. restaurant	**B.** cathedral	**C.** malls	**D.** square
5. A. friendly	**B.** clever	**C.** careful	**D.** active

Passage 3: Tan is my best friend. We live **(1)** _____ the same building and we go to the same class, class 6B. Tan is tall and handsome. He has black hair and big **(2)** _____ eyes. He's funny and hard-working. He always does his homework before class. He's good at English and Maths. I like him **(3)** _____ he's kind to me. He helps me with my English. He likes listening to music. He can sing many **(4)** _____ and play the guitar very well. I like **(5)** _____ with him about famous singers and their new CDs. At school, we often do our exercises in pair or in a group.

1. A. at	B. on	C. in	D. to
2. A. thin	B. long	C. brown	D. tall
3. A. because	B. so	C. but	D. and
4. A. stories	B. songs	C. music	D. jokes
5. A. chat	B. chats	C. chatted	D. chatting

VI. Read the paragraph. Then decide whether the statements are True (T) or False (F)

Passage 1: Ban Gioc Waterfall is in Cao Bang Province. It is one of Viet Nam's most impressive natural wonders. The falls are 300 metres across. No other waterfall in Viet Nam is as wide as Ban Gioc Waterfall. On the way to Ban Gioc, you can camp on the riverside and visit an impressive limestone cave system. There are a lot of beaty spotd around the base of the falls. You can sit there and enjoy the spectacular landscape. You can also take a ride on a bamboo raft and get a closer to the fall. Remember to be careful because if you fall into the water, it is dangerous.

1. Ban Gioc Waterfall is one of the most impressive man-made wonders in Viet Nam. T/F
2. Ban Gioc Waterfall is wider than any other waterfalls in Viet Nam. T/F
3. There are not many things to see around the waterfall. T/F
4. You can get closer to the fall on a bamboo raft. T/F
5. You can swim in the stream under the waterfall. T/F

Passage 2:

Dear Lan,

How are you getting on? We are going to move to a new house next weekend. My uncle and my aunt live near there so I can play with my cousins. There are eight rooms in my new house. The living room is the biggest in my house. I like my bedroom very much because it looks to a lake, it is light and cool. There is a small bed and a big bookshelf in my room. I will put all my books on the shelf. I will keep my room clean and tidy.

What about you? Tell me about your house in your next e-mail.

Love,

Linda

1. Linda is going to move to a new apartment next weekend. T/F
2. She is going to live near her uncle and her aunt. T/F
3. Her bedroom is the biggest in the house. T/F
4. Her bedroom looks to a river. T/F
5. She likes her bedroom because it is clean and tidy. T/F

VII. Complete the text with the correct form of the verbs in brackets.

Hoang lives in a small house in the centre of his village. His house **(1. be)** _____ near his new school. Every day, he **(2. walk)** _____ to school with his friends. Hoang and his friends **(3. study)** _____ in grade 6 at An Son School. Hoang **(4. like)** _____ his new school.

The teachers at his school **(5. be)** _____ very helpful. His favourite teacher is Mrs. Smith. She **(6. teach)** _____ him English. At the moment, he **(7. have)** _____ her lesson. He **(8.wear)** _____ his uniform every day, but today he **(9.not)** _____. He **(10. go)** _____ to have a biology lesson on a farm.

VIII. Read and fill the blanks with suitable words.

Passage 1:

right	***Pagoda***	***next to***	***second***	***straight***

Let's start our tour in Hoi An. We are in Tran Phu Street now. **First**, go to Ong (1) _____. To get there, go (2) _____ along the street for five minutes. It's on your left. **Next**, go to the Museum of Sa Huynh Culture. Take the (3) _____ turning on your left. Turn (4) _____ and it's on your right. **Finally**, go to Hoa Nhap Workshop to buy some presents. Turn left and then right. It's (5) _____ Tan Ky House.

Passage 2:

are	***crowded***	***dislike***	***art gallery***	***factories***	***in***	***helpful***	***faraway***	***wide***

Khang: Where do you live, Vy?

Vy: I live (1)_____ the suburbs of Ho Chi Minh City.

Khang: What do you like about it?

Vy: There (2)_____ many things I like about it. There's a big market near my house. There are also many shops, restaurants and (3) _____ here. The streets are (4) _____. The people here are (5) _____ and friendly.

Khang: What do you (6) _____ about it?

Vy: The schools are too (7) _____. There are also some (8) _____ near here, so the air isn't very clean and the streets are noisy and (9) _____.

E – WRITING

Part 1. ***Do as directed.***

Reorder the words to make correct sentence.

1. /notebooks/ are/ many/ the/ desk/ on/ There/./

→ _____

2. goes / Hoang / bus / day / school / every / to / by.

→ _____

3. not / moment / English / learning / am / the / I / at .

→ _____

Finish the second sentences so that it has the same meaning as the first one. You must write FIVE WORDS.

4. It is not good to stay up late to play computer games. (SHOULDN'T)

→ You _____play games.

5. An apartment is cheaper than a villa (EXPENSIVE)

→ A villa _____ apartment.

6. Nam has brown eyes. (ARE)

→ Nam's _____.

Make complete sentences with the cues

7. My sister/ read/ books/ her room/ now.

→ _____ .

8. Mr.Nam / teach/ history/ my school.

→ _____

9. Hue/ historic/ Hoi An.

→ _____

Change these sentences into negative and interrogative form

10. There is some sugar in my tea.

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

11. Student should help their parents clean the houses before Tet.

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

12. There are many charming islands in this area.

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

13. You must eat more vegetables.

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

14. I am doing my homework at the moment

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

15. Tom likes reading book in my free time.

Negative (-) .....

Interrogative (?) .....? → .....

Part 2: Writing Paragraphs

1. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about your school.
2. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about your best friend.
3. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about your house.
4. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about your neighbourhood.
5. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about a travel attraction you know.
6. Write a Paragraph (about 50 - 80 words) about Tet holiday.

SUGGESTION

1. MY SCHOOL

1. What is the name of your school?
2. Where is your school?
3. How many classes does your school have?
4. What do students do at your school?
5. Why do you like your school?

My school is Nguyen Viet Xuan Secondary School. It is on Doan Thi Lien Street. It has 45 classes with nearly 2000 (two thousands) students. The teachers are friendly and helpful. We study many subjects as maths, art, music, English... We often play games and sports during breaktime. I like my school because it's beautiful and my friends are kind to me .

2. MY BEST FRIEND

1. What is the name of your best friend?
2. What does he/she look like?
3. What is he/she like?
4. Why do you like him/her?

1) My best friend is Lan. She studies with me in class 6a3. She's tall and slim. She has long straight hair and chubby cheeks. She's hard-working. She always does her homework before class. I like her because she's kind to me. She sometimes helps me with my English. At weekends, we often go to the cinema.

2) Nam is my best friend. We're in class 6B. He's handsome with short black hair and big brown eyes. He's very active and sporty. He likes playing sports and has many friends. I like him because we often play football together. At weekends, we often go to the sport centre.

3. MY HOUSE

1. Where do you live?
2. How many family members are there in your house? Who are they?
3. What type of your house?
4. How many room are there in your house? What are they?
5. Which room do you like the best in your house? Why?

Today I would like to tell you about my house. I live in a town house with my parents and my brother in Phu Loi. My house is big and modern. There are nine rooms in our house: a living room, three bedrooms, four bathrooms and a large kitchen. I like my bedroom the best in my house, because it's nice. There is a bed, a desk, a chair, and a computer. I often study and watch YouTube on my computer. I love my house the best.

4. MY NEIGHBOURHOOD

1. Where do you live?
2. What do you like about it?
3. What are the people in your neighbourhood like?
4. What do you dislike about it?
5. How are the streets in your neighbourhood?

I live in Phu Loi Ward. There are some things I like about my neighbourhood. It's great for outdoor activities because it has beautiful parks and fine weather. The people here are friendly, and the food is cheap and delicious. However, there is one things I dislike about it: the streets are busy and crowded all day.

5. A TRAVEL ATTRACTION YOU KNOW

1. What is the name of the attraction?
2. Where is it?
3. How can you go there?
4. What is special about it?
5. What can you do there?

I'm writing about Phu Quoc. It's is a very beautiful island in Kien Giang. It has beautiful beaches, green forests, many resorts and hotels. The people here are friendly. Phu Quoc has an international airport, and travelling there is easy. I can visit fishing villages, national parks and pagodas. I also like to eat the seafood here. It is so delicious.

6. TET HOLIDAY

1. Is Tet your favourite holiday? Why / Why not?
2. What do you usually do before Tet?
3. What do you do like to do during Tet?
4. What should children do at Tet?
5. What shouldn't children do at Tet?

Tet is my favourite holiday. Before Tet, I usually help my parents clean the furniture and decorate our house with peach flowers. During Tet, I like to visit my relatives, wish them the best wishes and get lucky money. Children should behave well and help their parents with housework. Children shouldn't break things and fight at Tet.

SUGGESTED QUESTIONS FOR SPEAKING TEST – GRADE 6

TOPIC 1: YOUR SCHOOL

1. What is the name of your school?

.....

.....

2. Where is your school?

.....

.....

3. How many classes does your school have?

.....

.....

4. How are the teachers at your school?

.....

.....

5. What do students do at your school?

.....

.....

6. Why do you like your school?

.....

.....

TOPIC 2: YOUR HOUSE

1. Where do you live?

.....

.....

2. How many family members are there in your house? Who are they?

.....

.....

3. What type of your house?

.....

.....

4. How many room are there in your house? What are they?

.....

.....

5. Which room do you like the best in your house? Why?

.....

.....

TOPIC 3: <u>YOUR BEST FRIEND</u>

1. What is the name of your best friend?

.....

.....

2. What does he/she look like?

.....

.....

3. What is he/she like?

.....

.....

4. Why do you like him/her?

.....

.....

TOPIC 4: <u>YOUR NEIGHBOURHOOD</u>

1. Where do you live?

.....

.....

2. What do you like about it?

.....

.....

3. What do you dislike about it?

.....

.....

4. What are the people in your neighbourhood like?

.....

.....

5. How are the streets in your neighbourhood?

.....

.....

TOPIC 5: <u>A TRAVEL ATTRACTION YOU KNOW</u>

1. Do you like travelling?

.....

.....

2. What is the name of the attraction?

.....

.....

3. Where is it?

.....

.....

4. How can you go there?

.....

.....

5. What is special about it?

.....

.....

6. What can you do there?

.....

.....

TOPIC 6: <u>TET HOLIDAY</u>

1. Is Tet your favourite holiday? Why / Why not?

.....

.....

2. What do you usually do before Tet?

.....

.....

3. What do you do like to do during Tet?

.....

.....

4. Do you like to stay at home or travel during Tet holiday?

.....

.....

5. What should children do at Tet?

.....

.....

6. What shouldn't children do at Tet?

.....

.....

THE END

Lê Thị Kim Anh

Vũ Thị Phương

Luân Đoàn Phương Trinh

Phan Nguyễn Đình Thy

Duyệt BGH ngày 2/12/2023

PHT

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT – BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIỆT XUÂN

Nguyễn Thị Miên

TRƯỜNG THCSNGUYỄN VIẾT XUÂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI-NĂM HỌC 2023-2024
Môn: Lịch sử và Địa lý 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHÂN MÔN LỊCH SỬ: **Chương 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI** (học bài 9,10, bài 11 mục I,II)

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ:
- **Chương 2. TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI** (học bài 5,6,7,)
- **Chương 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT** (học bài 9, 10)

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII

a. Quá trình thống nhất đất nước Trung Quốc của nhà Tần.

- Thời cổ đại, trên lưu vực sông Hoàng Hà, Trường Giang của Trung Quốc tồn tại hàng trăm tiểu quốc, giữa các nước thường xuyên xảy ra chiến tranh thôn tính lẫn nhau.
- Đến cuối thời nhà Chu, nước Tần mạnh lên. Nhà Tần lần lượt đánh chiếm các nước, thống nhất Trung Quốc.
- Năm 221 TCN Tần Doanh Chính lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Tần Thủy Hoàng, ông là người có công thống nhất đất nước và đặt nền móng cho sự phát triển của Trung Quốc về sau.

b.Từ nhà Hán, Nam-Bắc triều đến nhà Tùy

Sau nhà Tần, Trung Quốc trải qua các triều đại: Hán, Tam quốc, Tấn, Nam-Bắc Triều, Tùy.

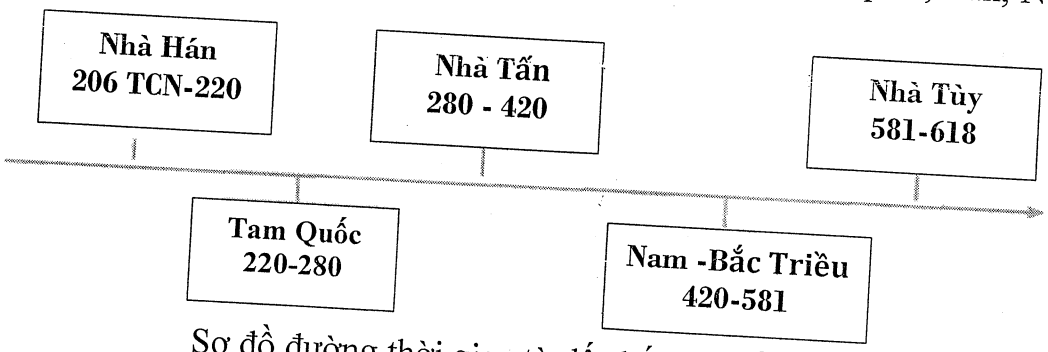

Sơ đồ đường thời gian từ đế chế Hán đến nhà Tuỳ

c. Thành tựu văn hóa tiêu biểu

- Chữ viết: đã có chữ viết từ thời nhà thương, đó là chữ tượng hình.
- Văn học: tác phẩm văn học cổ nhất là Kinh Thi.
- Kiến trúc: Vạn Lý Trường Thành (công trình kiến trúc tiêu biểu nhất).

2. Hy Lạp cổ đại

a. Tổ chức nhà nước thành bang

Hy Lạp cổ đại bao gồm nhiều thành bang, tiêu biểu nhất là thành bang dân chủ A-ten. Nhà nước thành bang A-ten gồm 4 cơ quan chính gồm: Đại hội nhân dân, hội đồng 10 tướng lĩnh, hội đồng 500 và tòa án 6000 người.

b.Thành tựu văn hóa tiêu biểu

- Chữ viết: sáng tạo hệ thống chữ viết La Tinh gồm 24 chữ cái.
- Khoa học: Là quê hương của các nhà khoa học nổi tiếng: Ta-lét, Pi-ta-go, Ác-si-mét…

*Trong các thành tựu văn hoá của Hy Lạp cổ đại, thành tựu có ảnh hưởng đến ngày nay là: chữ viết (người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo hệ thống chữ viết La Tinh gồm 24 chữ cái)

Giải thích: Vì thành tựu này đặt nền tảng cho nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

3.Tổ chức nhà nước La Mã cổ đại

- Ở thời kì cộng hòa, quyền lực cao nhất trong bộ máy nhà nước La Mã cổ đại thuộc về Viện nguyên lão.
- Năm 27 TCN, đến thời đế chế, người nắm mọi quyền hành ở La Mã thuộc về Ốc-ta-vi-út, viện nguyên lão chỉ còn là hình thức.

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

Câu 1.Trình bày độ cao và đặc điểm của dạng địa hình đồng bằng, núi và đồi?

Dạng địa hình	Độ cao	Đặc điểm chính
Đồng bằng	Dưới 200m so với mực nước biển.	Địa hình thấp, tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, độ dốc nhỏ.
Núi	Trên 500m so với mực nước biển.	Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.
Đồi	Không quá 200m so với xung quanh.	Đỉnh tròn, sườn thoải.

Câu 2. Nếu có động đất xảy ra em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

- Khi có động đất:

+ Nếu ở trong nhà lấy gối, hai tay hoặc vật mềm che lên đầu và chui xuống gầm bàn, ghế…

+ Nếu ở ngoài đường nên tránh xa chỗ có cây cối và tòa nhà cao tầng, trụ điện…

Câu 3. Em hãy nêu vị trí, hình dạng của Trái Đất ?

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Trái Đất có dạng hình cầu.

Câu 4. Trái Đất có cấu tạo gồm những lớp nào?

Gồm 3 lớp: Lớp vỏ Trái Đất, lớp manti, lớp nhân.

Câu 5. Thế nào là quá trình nội sinh và ngoại sinh?

- Nội sinh là quá trình xảy ra do tác nhân từ bên trong vỏ Trái Đất.
- Ngoại sinh là quá trình xảy ra do tác nhân bên ngoài vỏ Trái Đất.

Câu 6. Truyền hình trực tiếp Gala Sao Mai trên VTV1 lúc 20h tối ngày 16/10/2022. Hỏi lúc đó tại thủ đô Beclin (Đức) là mấy giờ? **(Cho biết Việt Nam nằm ở múi giờ +7, Beclin múi giờ +1)**

Công thức tính giờ

Giờ cần tìm = giờ đã biết +(-) múi giờ chênh lệch

Lưu ý: nếu giờ cần tìm ở phía đông thì dùng phép tính cộng, giờ cần tìm ở phía tây thì dùng phép tính trừ.

***Áp dụng công thức trên tính.**

- Việt Nam nằm ở múi giờ số +7, Beclin nằm ở múi giờ +1
- Múi giờ chênh lệch là giữa Vệt Nam và Beclin là: .....
- Việt Nam là 20h tối ngày 16/10/2022 thì Beclin là: .....

.....

--- Hết –

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN GDCD 6
NĂM HỌC: 2023 – 2024

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 3: Siêng năng, kiên trì

Bài 4: Tôn trọng sự thật

Bài 5: Tự lập

Bài 6: Tự nhận thức bản thân

B. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

I. LÝ THUYẾT

1. Nêu 2 việc làm siêng năng kiên trì trong cuộc sống? Cho biết ý nghĩa của siêng năng kiên trì?

* *HS nêu dc 2 việc làm, ví dụ:*

- Thường xuyên làm đầy đủ bài tập ở nhà.
- Gặp bài tập khó làm xong mới đi chơi, ...

* *Ý nghĩa*: Siêng năng, kiên trì sẽ giúp con người thành công trong công việc và trong cuộc sống.

2. Nêu ý nghĩa của tôn trọng sự thật? Em hãy nêu ít nhất 2 biểu hiện của tôn trọng sự thật trong cuộc sống?

* *Ý nghĩa của tôn trọng sự thật:*

- Là đức tính cần thiết, quý báu, giúp con người nâng cao phẩm giá bản thân,
- Góp phần tạo ra các mối quan hệ xã hội tốt đẹp,
- Được mọi người tin yêu, quý trọng.

* *HS nêu được 2 biểu hiện.* Ví dụ:

- Biết nhận lỗi khi làm sai.
- Không che dấu, bao che cho các hành động sai trái.

3. Thế nào là tự lập? Nêu ý nghĩa của tính tự lập?

* *Tự lập*: là tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

* *Ý nghĩa của tính tự lập*

- Giúp chúng ta tự tin, có bản lĩnh cá nhân.
- Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống.
- Xứng đáng được người khác kính trọng.

4. Thế nào là tự nhận thức bản thân? Hãy chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của em trong học tập và trình bày những việc em đã làm để khắc phục điểm yếu đó?

* *Tự nhận thức bản thân*: là khả năng hiểu rõ chính xác bản thân, biết mình cần gì, muốn gì, đâu là điểm mạnh, điểm yếu của mình.

* HS chỉ ra được ít nhất 1 điểm mạnh, 1 điểm yếu trong học tập.

* HS trình bày được ít nhất 2 việc đã làm để khắc phục điểm yếu trong học tập của bản thân.

II. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

1. Tình huống 1: Lớp 6E là lớp cuối cùng nộp sản phẩm của phong trào kế hoạch nhỏ. Khi mang sản phẩm xuống khu tập trung phế liệu, nhìn danh sách các lớp đã nộp, Tú thấy lớp mình chỉ kém lớp 7C có 1kg. Cô tổng phụ trách lại vừa đi ra ngoài. Tú nói với Huyền: "Hay là mình khai tăng lên 2kg để được vị trí số 1". Huyền kiên quyết phản đối và ghi đúng số lượng của lớp mình.

Em đồng ý với ý kiến của bạn Tú hay bạn Huyền? Vì sao?

Trả lời:

Em đồng ý với ý kiến của bạn Huyền. Vì còn là học sinh chúng ta nên nói đúng sự thật dù là việc nhỏ nhất.

Tình huống 2:

Hà và mẹ đang đợi xe buýt. Có một cụ già bán vé số lại gần và nói: "Chỉ có 10 nghìn thôi, cô chú mua hộ tôi một tờ với!" Một anh thanh niên gọi lại và mua cho cụ. Hà thấy anh thanh niên rút 6 tờ vé số nhưng chỉ đưa cho cụ già 50 nghìn đồng. Hà vội nói với anh thanh niên: "Anh có trả nhầm tiền cho cụ không ạ?"

Nêu nhận xét của em về hành động của anh thanh niên. Bày tỏ thái độ của em với hành động của bạn Hà.

Trả lời:

Em có những nhận xét về anh thanh niên như sau: Anh là một người gian dối, nhân cơ hội bà lão bị mù mà lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà cụ, một hành vi rất xấu và có thể vi phạm pháp luật.

- Bạn Hà là một học sinh rất đáng được tuyên dương, bạn đã dũng cảm đứng lên phê phán và chỉ ra lỗi, cái sai của người khác.

Tình huống 3: Bạn An ở gần trường nhưng bạn ấy hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lý do, An luôn nói: "Tại bố mẹ không gọi mình dậy."

Em có đồng tình với An không? Vì sao? Nếu là bạn của An, em sẽ làm gì?

Trả lời:

- Em không đồng tình với bạn An. Vì bố mẹ có công việc của bố mẹ, đôi lúc họ có thể bận công việc nên những việc nhỏ nhặt như dậy sớm đi học thì bạn nên rèn luyện tính tự giác cho bản thân mình.
- Nếu là bạn An em sẽ khuyên bạn nên có đồng hồ báo thức, tập dậy sớm, rèn luyện tính tự giác ngay từ bây giờ, để không bị đi học muộn nữa, không nên quá ỷ lại bố mẹ như vậy.

---- Hết ----

Duyệt ngày 2/12/2023

PHT

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.THỦ DẦU MỘT T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Nguyễn Thị Miễn

Trường THCS Nguyễn Viết Xuân

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN KHTN 6
Năm học 2023- 2024

I. NỘI DUNG ÔN TẬP
Từ chủ đề mở đầu đến bài 25: Vi khuẩn của chủ đề 8

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO
Câu 1. Thế nào là hoạt động nghiên cứu khoa học?

Gợi ý: Hoạt động con người chủ động tìm tòi, khám phá ra tri thức khoa học gọi là hoạt động nghiên cứu khoa học.

Câu 2. Thế nào là vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo? Cho ví dụ

Gợi ý:

+ Vật thể tự nhiên: là những vật thể có sẵn trong tự nhiên (đất, nước, con người…)

+ Vật thể nhân tạo: là những vật thể do con người tạo ra để phục vụ cuộc sống (thuyền, xe đạp, quần áo…)

Câu 3. Nêu đơn vị đo và dụng cụ để đo chiều dài, khối lượng, thời gian và nhiệt độ của một vật.

Gợi ý:

- Đơn vị đo chiều dài là ***mét*** (metre), kí hiệu là ***m***. Dụng cụ đo chiều dài là **thước.** Vd: thước kẻ, thước cuộn, thước dây…
- Đơn vị đo khối lượng là ***kilôgam*** (kilogram), kí hiệu là ***kg***. Dụng cụ đo khối lượng là **cân**. Vd: cân đồng hồ, cân điện tử, cân y tế, cân Robecval, …
- Đơn vị đo thời gian là **giây** (kí hiệu là ***s***). Dụng cụ đo thời gian là **đồng hồ**.Vd: đồng hồ bấm giây, đồng hồ treo tường, đồng hồ đeo tay…

Câu 4. Tại sao phải sử dụng các nhiên liệu tái tạo thay thế dần các nguồn nhiên liệu hoá thạch?

Gợi ý: Vì:

- Các nguồn nhiên liệu hóa thạch đang ngày càng cạn kiệt và gây ô nhiễm môi trường.
- Các nhiên liệu tái tạo thân thiện với môi trường.
- Giá thành rẻ, có tính bền vững và bảo đảm an ninh năng lượng.

Câu 5. Nêu khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp? Cho Vd

Gợi ý:

- Chất tinh khiết (nguyên chất) được tạo ra từ một chất duy nhất

Vd: Nước cất, oxygen, đường nguyên chất, muối ăn (Sodium chioride),…

- Hỗn hợp được tạo ra từ hai hay nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

Vd: Nước muối, bột nêm, nước khoáng, nước biển, gỗ ….

Câu 6. Hãy đề xuất phương pháp thích hợp để tách muối ăn, cát và dầu ăn ra khỏi mỗi hỗn hợp

Hỗn hợp	**Lọc**	**Cô cạn**	**Chiết**
Muối ăn và nước			
Cát và nước			
Dầu ăn và nước			

Câu 7. Cho các cụm từ: nhũ tương, huyền phù, dung dịch. Chọn cụm từ tương ứng với hình.

<table>
<tr>
<td> 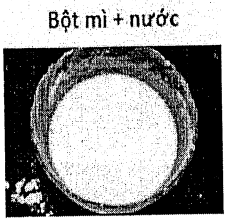
</td>
<td> 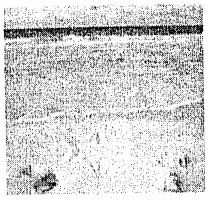
</td>
<td> 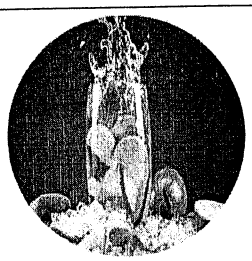 </td>
<td> 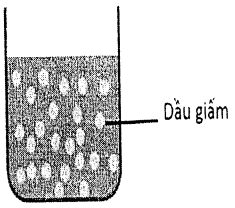
</td>
</tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr>
<td> 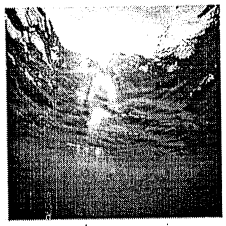
Muối trong nước biển</td>
<td> 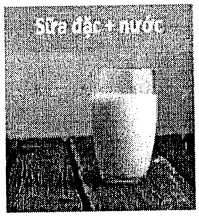
</td>
<td> 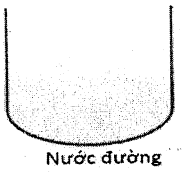
Nước đường</td>
<td> 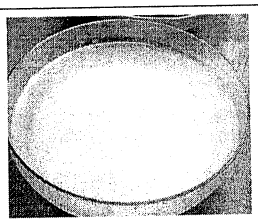
Vôi tôi và nước</td>
</tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

Câu 8.

a/ Chỉ ra các thành phần chính và nêu chức năng của tế bào?

b/ Tế bào thực vật khác tế bào động vật ở điểm nào?

Gợi ý:

a/ - Tế bào có các thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào (tế bào nhân thực) hoặc vùng nhân (tế bào nhân sơ).

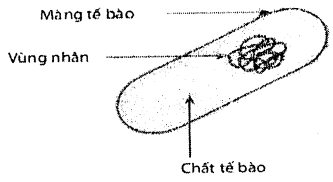

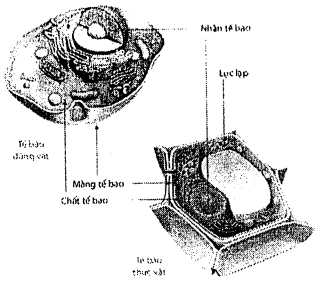

- Chức năng tế bào: Trao đổi chất, chuyển hóa năng lượng, sinh trưởng, phát triển, vận động, cảm ứng, sinh sản.

b/ Tế bào thực vật khác tế bào động vật là: Tế bào thực vật có lục lạp là bào quan chứa sắc tố có khả năng hấp thụ năng lượng ánh sáng để quang hợp.

Câu 9.

a/ Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì đối với sinh vật?

b/Biết 1 tế bào con sau 1 lần phân chia sẽ tạo ra 2 tế bào con. Vậy sau 3 lần phân chia từ 1 tế bào sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

Gợi ý:

a/ - Sự sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật

- Giúp thay thế các tế bào tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.

b/ Sau 3 lần phân chia từ 1 tế bào sẽ tạo ra $2^3 = 8$ tế bào con

Câu 10.

a) Khi em tập thể dục những cơ quan và hệ cơ quan nào trong cơ thể cùng phối hợp hoạt động?

b) Hãy giải thích mối liên hệ về chức năng của các cơ quan trong hệ hô hấp ở người?

Gợi ý:

a) Hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, hệ bài tiết và hệ tuần hoàn .

b) Mũi, họng và thanh quản lấy không khí bên ngoài cơ thể, làm ấm và lọc không khí trước khi cung cấp vào phổi. Sau đó khí quản và phổi tiếp nhận không khí đó thực hiện lọc và trao đổi khí với máu.

Câu 11. Em hãy nêu các bậc phân loại sinh vật trong thế giới sống.

Gợi ý:

Các bậc phân loại sinh vật:

- Bậc phân loại từ nhỏ đến lớn: loài (*bậc cơ bản*) → chi/giống → họ → bộ → lớp → ngành → giới.
- Bậc càng nhỏ thì sự khác nhau giữa sinh vật cùng bậc càng ít.
- Các cách gọi tên: tên phổ thông, tên khoa học, tên địa phương.

Câu 12. Virus có các hình dạng đặc trưng nào? Cho ví dụ. Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do virut gây ra.

Gợi ý:

- Virus có 3 hình dạng chính là:

+ Dạng xoắn (virus khảm thuốc lá, virus dại…)

+ Dạng hình khối (virus cúm, virus viêm kết mạc…)

+ Dạng hỗn hợp (thực khuẩn thể)

- Cách phòng chống bệnh do virus: tiêm phòng vaccine, chặn các con đường lây nhiễm.

……CHÚC CÁC EM LÀM BÀI TỐT……..

BGH duyệt

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Đinh Thị Ngọc Linh

TTCM

Bùi Thị Quyên

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN

TỔ : TOÁN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I TOÁN 6

NĂM HỌC 2023-2024

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chọn câu trả lời đúng cách viết tập hợp B các chữ cái xuất hiện trong từ "HÒA BÌNH"

A/ $B=\{H;\ O;\ A;\ B;\ I;\ N;\ H\}$

B/ $B=\{H;\ O;\ A;\ B;\ I;\ N\}$

C/ $B\{H;\ O;\ A;\ B;\ I;\ N;\ H\}$

D/ B= H; O; A; B; I; N}

Câu 2: Cho tập hợp $A=\{3;\ 4;\ 5;\ 6;\ 7\}$

Chọn câu trả lời đúng trong các đáp án sau:

A/ $3 \in A$ B/ $4 \notin A$ C/ $8 \in A$ D/ $6 \notin A$

Câu 3: Cho các số 4; 7; 9; 13. Các số nào là hợp số ?

A/ 4 ; 7 B/ 7 ; 9 C/ 9 ; 13 D/ 4 ; 9

Câu 4: Viết tập hợp M các số tự nhiên nhỏ hơn 5 bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp đó, cách viết nào đúng ?

A/ M = {x| x là số tự nhiên, $0 < x < 5$}

B/ M = {x| x là số tự nhiên, $x \leq 5$}

C/ M = {x| x là số tự nhiên, $x < 5$}

D/ M = {x| x là số tự nhiên, $0 < x \leq 5$}

Câu 5: Cho hình chữ nhật ABCD. Hãy chọn khẳng định sai:

A/ AB = CD ; BC = AD

B/ AC = BD

C/ Cạnh AB và CD, cạnh AD và BC song song với nhau.

D/ AB = AD ; BC = DC

Câu 6: Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A/ Hình có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông.

B/ Tam giác đều MNQ là hình có ba cạnh bằng nhau MN = NQ = QM

C/ Lục giác đều ABCDEF là hình có: AB= BC= CD= DE

D/ Hình thoi ABCD là hình có hai đường chéo bằng nhau AC = BD

Câu 7: Kết quả của phép tính: 135 + 47 – 35 bằng:

A/ 125. B/ 145 C/ 137 D/ 147

Câu 8: Kết quả của phép tính: $199 + [36 - (5 - 1)^2] : 10 - 201^0$ là:

A/ 0 B/ 200 C/ 201 D/ 2000

Câu 9: Các ước của 8 là:

A/ 2; 4; 8 B/ 1; 2; 4 C/ 2; 4 D/ 1; 2; 4; 8

Câu 10: BCNN(6, 10) là:

A/ 60 B/ 30 C/ 90 D/ 18

Câu 11: Cho các số sau: 2189; 1350; 2605; 1372. Số nào vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 5

A/ 2189 B/ 1350 C/ 2605 D/ 1372

Câu 12: Trong các số sau, số nào là số nguyên tố: 17 , 21 , 23 , 43 , 63

A/ 17 , 23 , 43. B/ 17 , 21 , 43 C/ 17 , 23 , 63 D/ 17 , 43 , 63

Câu 13: Tìm số tự nhiên x, biết: $2x - 36 = 4^5 : 4^2$

Kết quả:

A/ x = 24 B/ x = 14 C/ x = 50 D/ x = 7

Câu 14: Phân tích số 350 ra thừa số nguyên tố ta được:

A/ $350 = 2^2.5.7$ B/ $350 = 2.5.7^2$ C/ $350 = 2.5^2.7$ D/ $350 = 2^2.5^2.7$

Câu 15: Cho hình chữ nhật có chu vi là 50 cm và chiều rộng là 5 cm, chiều dài hình chữ nhật đó là:

A/ 20 (cm) B/ 15(cm) C/ 10(cm) D/ 45(cm)

Câu 16: Cho hình bình hành MNPQ có độ dài các cạnh MN = 15(cm); NP = 5(cm). Chu vi hình bình hành bằng:

A/ 20(cm) B/ 40(cm) C/ 45(cm) D/ 75(cm)

Câu 17: Cho hình thoi ABCD có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10(cm) và 12(cm), diện tích là:

A/ 44 (cm^2) B/ 120 (cm^2) C/ 22 (cm^2) D/ 60 (cm^2)

Câu 18: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 32(m) và chiều rộng 22(m). Người ta định trồng một vườn hoa và bớt ra một phần làm đường đi rộng 1(m) xung quanh khu vườn như hình vẽ:

Diện tích vườn hoa là:

A/ 600(m^2)
B/ 500(m^2)
C/ 700(m^2)
D/ 400(m^2)

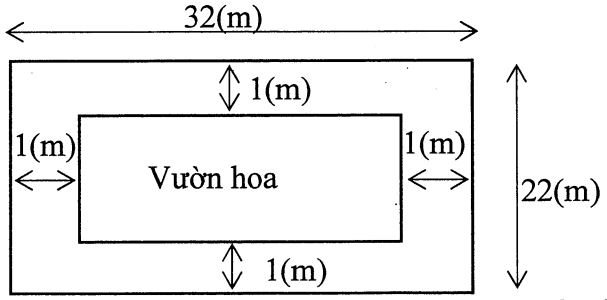

Câu 19: Bạn Hà mua 20 quyển vở, 5 cây viết bi và 2 hộp bút màu. Tổng số tiền phải thanh toán là 190.000 đồng. Bạn Hà chỉ nhớ một quyển vở giá 5000 đồng, một hộp bút màu giá 35.000 đồng. Hãy tính giúp bạn Hà một cây viết bi có giá là bao nhiêu?

A/ 6.000 đồng B/ 7.000 đồng C/ 4.000 đồng D/ 5.000 đồng

Câu 20: Trong một buổi liên hoan, ban tổ chức đã mua 60 quả cam, 36 quả quýt và 120 quả mận chia đều vào các đĩa như nhau, mỗi đĩa gồm cả ba loại trên. Có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa?

A/ 30 đĩa B/ 12 đĩa C/ 15 đĩa D/ 13 đĩa

II. PHẦN TỰ LUẬN

A. SỐ HỌC

DẠNG 1: TẬP HỢP

Câu 1: Viết các tập hợp sau bằng hai cách.

a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10

b) Tập hợp B các số tự nhiên khác 0 là bội của 5 và không vượt quá 27

c) Viết tập hợp C các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 6 và không vượt quá 12

Câu 2: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

a) $A = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên}, 11 < x < 19\}$

b) $B = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên lẻ}, 5 < x \leq 10\}$

c) $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chẵn}, 10 \leq x \leq 18\}$

d) $F = \{x \mid x \text{ là bội của } 10, x < 50\}$

e) $G = \{x \mid x \text{ là ước của } 20\}$

DẠNG 2: DẤU HIỆU CHIA HẾT, TÍNH CHẤT CHIA HẾT

1. Tìm chữ số x để số $\overline{587x}$ chia hết cho cả 2 và 5.
2. Tìm chữ số x để số $\overline{x1269}$ chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.
3. Tìm các số tự nhiên a, b sao cho số $\overline{a26b}$ chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9
4. Không tính giá trị biểu thức, xét xem mỗi biểu thức sau có chia hết cho 2 không? Vì sao?

   A = 1 234 + 42 312 + 5 436 + 10 988

   B = 2 335 + 983 333 + 3 142 311 + 5 437

   C = 8 . 51 . 633 . 4 445 – 777 . 8888 + 2022

DẠNG 3: TÌM ƯỚC, ƯCLN, ƯC. TÌM BỘI, BCNN, BC

1. Tìm các ước của 20
2. Tìm các bội của 15
3. Tìm ƯCLN(51, 102,144)
4. Tìm ƯC(18,27,30)
5. Tìm BCNN(60,72,63)
6. Tìm BC(18, 30)

DẠNG 4: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể):

1/ $(-23) + (-250) + (-37) + 250$

2/ $37 . 45 + 37 . 55 + 300$

3/ $90 : [39 - (8 - 5)^2]$

4/ $123 + 52 + 77 + 248$

5/ $[900 + (-1\,140 + 720] : (-120)$

6/ $(2\,021 - 39) + [(-21) + (-61)]$

7/ $[299 . (-74) + (-299) . (-24)] : (-50)$

8/ $42 : \{20 - [30 - (5 - 1)^2]\}$

9/ $(-652) - \{(-547) - 352 - [(-147) - (-735) + (2\,200 + 65)]\}$

10/ $(134 - 34) . (-28) + 72 . [(-55) - 45]$

11/ $25 + (-13) + 35 + (-17)$

12/ $4.5^2 - 2^3.(3^2 + 2020^0)$

13/ $(-15) + (-2020) + (-5) + 2020;$

14/ $568 - \{5.[143 - (4 - 1)^2] + 10\}:10$

15) $25.23 + 25.56 + 25.21$

16) $463 + 318 + 137 + (-318)$

17) $32 : [12 - 4 + 4.(16 : 2^3)]$

18) $294 - [9.(5^2 .4 - 5 . 2^3): (10 - 7)^3]$

DẠNG 5: TOÁN TÌM X

Tìm x, biết:

1) $2x + 10 = 80$

2) $3.(5x - 15) = 15$

3) $55 + (187 - x) = 105$

4) $2x - 36 = 4^5 : 4^2$

5) $3^x = 27$

6) $6x - 5 = -23$

7) $123 - 5(x + 4) = 38$

8) $2x - 49 = 5.3^2$

9) $(-300) : 20 + 5 . (3x - 1) = 25$

10) $100 - 7(x - 5) = 58$

11) $x - (-5) = 2$

12) $10.(3x + 4) = 280$

13) $170 - 3(x + 7) = 5^5 : 5^2$

14) $(x + 1)^3 = 8$

DẠNG 6: TOÁN ĐỐ

Bài 1. Trong một buổi liên hoan, ban tổ chức đã mua 60 quả cam, 36 quả quýt và 120 quả mận chia đều ra các đĩa như nhau, mỗi đĩa gồm cả ba loại trên.

a) Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa?

b) Tính số quả cam, quả quýt và quả mận có trong mỗi đĩa?

Bài 2. Một nhóm gồm 20 bạn nữ và 25 bạn nam tham gia một số trò chơi. Có thể chia các bạn thành nhiều nhất bao nhiêu đội chơi sao cho số bạn nam cũng như số bạn nữ được chia đều vào các đội?

Bài 3. Một đội thanh niên tình nguyện có 165 người cần thuê xe ô tô để di chuyển. Họ cần thuê ít nhất bao nhiêu xe nếu mỗi xe chở được 45 ng

Bài 4. Học sinh khối 6 có 156 nam và 130 nữ tham gia lao động vệ sinh môi trường. Cô Tổng Phụ Trách Đội muốn chia ra các tổ sao cho mỗi tổ có số nam bằng nhau và số nữ bằng nhau.

a) Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu tổ?

b) Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 5: Số học sinh khối 6 của trường khi xếp hàng 10, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường, biết rằng số học sinh trong khoảng từ 300 đến 400.

Bài 6. Số học sinh khối 6 của một trường trong khoảng từ 400 đến 600, khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường đó.

Bài 7: Số học sinh khối 6 của một trường THCS trong khoảng từ 300 đến 400 học sinh. Khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ hàng. Tính số học sinh khối 6 của trường?

Bài 8: Công ty Phú Quý có lợi nhuận ở mỗi tháng trong quý III là 20 triệu đồng. Trong quý IV, lợi nhuận mỗi tháng của công ty là -10 triệu đồng. Trong sáu tháng cuối năm(quý III và quý IV) lợi nhuận của công ty Phú Quý là bao nhiêu tiền?

B. HÌNH HỌC

Bài 1. Tính chu vi và diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là 15 cm.

Bài 2. Cho hình vuông ABCD có chu vi bằng 48 cm. Tính diện tích hình vuông đó

Bài 3.

a) Tính chu vi và diện tích của một tấm bìa hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là 25cm và 30cm.

b) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m và chiều rộng 16m. Người ta làm hàng rào xung quanh phần vườn trồng rau có để cửa ra vào rộng 2m. Tính độ dài của hàng rào đó.

c)Bác An muốn lát gạch một cái sân dạng hình chữ nhật có chiều dài và chiều rộng lần lượt là 12m và 9m. tiền gạch là 130 000 đồng trên $1m^2$, và tiền công lát (Tính cả vật liệu khác) là 70 000 trên $1m^2$. Bác An phải trả tất cả bao nhiêu tiền?

Bài 4.

a) Một chiếc gương treo tường hình thoi có độ dài hai đường chéo là 12dm và 16dm. Tính diện tích chiếc gương đó.

b) Tính diện tích của một hình thoi có độ dài hai đường chéo 8cm và 12cm

Bài 5. Bạn Hoa làm một khung ảnh có dạng hình bình hành PQRS với PQ = 24cm và PS = 15cm. Tính độ dài viền khung ảnh bạn Hoa đã làm.

Bài 6. Một khu vườn hình bình hành ABCD như hình vẽ dưới đây,
biết AB = 40m, BC = 60m, BH = 34 m. Tính chu vi và diện tích khu vườn đó.

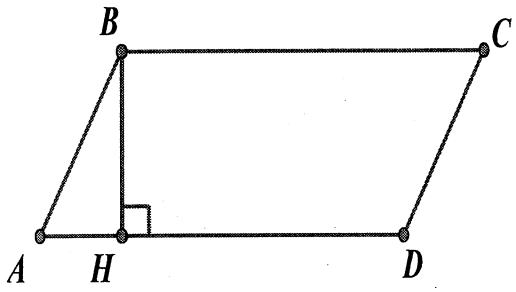

Bài 7. Cho hình thang cân biết độ dài hai cạnh đáy lần lượt là 8cm và 10cm, độ dài đường cao 5cm và độ dài mỗi cạnh bên là 7cm. Tính chu vi và diện tích của hình thang cân đó.

Bài 8. Trong các hình 48, 49, 50, hình nào có trục đối xứng? Nếu là hình có trục đối xứng, hãy chỉ ra trục đối xứng của hình đó (kể cả màu sắc và họa tiết).

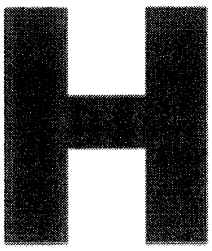

Hình 48

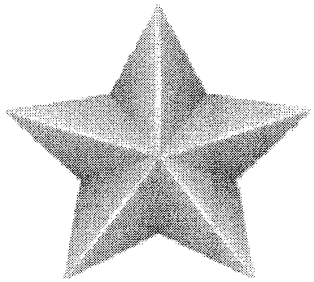

Hình 49

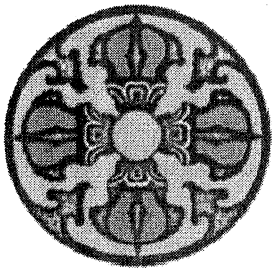

Hình 50

---------- HẾT----------

(Chúc các em có một kỳ thi HKI đạt kết quả cao)

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Đinh Thị Ngọc Linh

TỔ TRƯỞNG

Trương Công Quốc Khoa

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIẾT XUÂN
TỔ: NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK I NGỮ VĂN 6
NĂM HỌC 2023- 2024
(Tài liệu tham khảo)

A. Phần Văn bản

1. Truyền thuyết

- Khái niệm văn bản truyền thuyết: là loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử. Thể hiện nhận thức, tình cảm của tác giả dân gian đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử.
- Nhân vật truyền thuyết:
+ Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh
+ Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng
+ Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ
- Cốt truyện truyền thuyết:
+ Thường xoay quanh công trạng, kì ích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ
+ Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật
+ Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại
- Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết:
+ Là những chi tiết, hình ảnh kì lạ, hoang đường, là sản phẩm của trí tưởng tượng và nghệ thuật hư cấu dân gian
+ Thường được sử dụng khi cần thể hiện sức mạnh của nhân vật truyền thuyết, phép thuật của thần linh
+ Thể hiện nhận thức, tình cảm của nhân dân đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử

2. Truyện cổ tích

Khái niệm: là loại truyện kể dân gian, kết quả của trí tưởng tượng dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của một số kiểu nhân vật. Thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa đối với cuộc sống, đồng thời nói lên ước mơ về 1 xã hội công bằng tốt đẹp.
- Cốt truyện cổ tích: thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, mở đầu bằng "Ngày xửa ngày xưa" và kết thúc có hậu.
- Cách kể: các sự kiện trong truyện cổ tích thường được kể theo trình tự thời gian
- Kiểu nhân vật truyện cổ tích: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh… Với phẩm chất được thể hiện qua hành động cụ thể.

3. Thơ lục bát

- Khái niệm: Thơ lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm 1 dòng 6 tiếng (dòng lục) và 1 dòng thơ 8 tiếng (dòng bát)
- Cách gieo vần:
+ Tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát
+ Tiếng thứ 8 của dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo.
- Cách ngắt nhịp: thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4/2, 4/4…)
- Thanh điệu:

Tiếng	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
Câu lục	-	B	-	T	-	B		
Câu bát	-	B	-	T	-	B	-	B

4. Truyện đồng thoại

Khái niệm: Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi. Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

- Các đặc điểm của truyện đồng thoại:

+ Cốt truyện: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

+ Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Gồm có hai kiểu người kể chuyện thường gặp:

. Người kể chuyện ngôi thứ nhất: xưng "tôi", trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm

. Người kể chuyện ngôi thứ ba (người kể chuyện giấu mình): không tham gia và câu chuyện, nhưng có khả năng biết hết mọi chuyện.

+ Lời người kể chuyện: thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.

+ Lời nhân vật: là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

5. Kí: *Kí, hồi kí và du kí*

Khái niệm:

- Kí: là thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết. Trong kí, có những tác phẩm:

+ Thiên về kể sự việc như hồi kí, du kí…

+ Thiên về biểu cảm như tùy bút, tản văn…

- Hồi kí: là thể loại văn học chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết đã từng tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời tác giả.

- Du kí: là thể loại văn học chủ yếu kể về những sự việc mới diễn ra hoặc đang diễn ra gắn với các chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất kì thú của Việt Nam và thế giới.

- Ngôi kể: kí, hồi kí, du kí được kể theo ngôi thứ nhất, xưng tôi- đây là hình ảnh của tác giả

- Lưu ý: Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí (xưng tôi, hoặc chúng tôi) mang hình bóng tác giả nhưng không hoàn toàn là tác giả.

→ Vì giữa tác giả (lúc viết hồi kí) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (ở quá khứu) có khoảng cách về tuổi tác, thời gian, nhận thức, quan niệm… Vì thế không thể đồng nhất được.

- Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí:

+ Ghi chép (hiểu theo cách thông thường): là việc chuẩn bị nguồn tư liệu về những điều có thật, đã xảy ra để viết nên các tác phẩm " Tư liệu được ghi chép: phải đảm bảo độ xác thực, tin cậy

+ Ghi chép (hiểu theo cách mở rộng): là cách viết, kể, sáng tác " Người viết hồi kí không thể bê nguyên cái có thật, từng xảy ra ngoài đời vào văn bản mà phải ghi sao cho thành chuyện và kể sao cho hấp dẫn, sâu sắc.

B. Phần Thực hành Tiếng Việt

1. Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy)

* **Từ đơn:** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

* **Từ phức:** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên

* **Phân biệt các loại từ phức**: Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

Từ ghép: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo

✠ ***Nghĩa của từ ghép*** có thể rộng hoặc hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc tạo ra nó. (VD: "ông bà" rộng hơn nghĩa "ông", "bà"; "Ông nội" hẹp nghĩa hơn "ông"

Từ láy: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ láy âm với nhau.

VD: Lung linh, xinh xinh, đo đỏ

✠ ***Nghĩa của từ láy*** có thể tăng hay giảm về mức độ, tính chất hoặc thay đổi sắc thái nghĩa so với tiếng gốc tạo ra nó. (VD: "đo đỏ" giảm nghĩa so với "đỏ"; "nhanh nhẹn" tăng nghĩa so với "nhanh".)

2. Thành ngữ

✠***Thành ngữ*** là một tập hợp từ cố định, quen dùng.

VD: *được voi đòi tiên; há miệng chờ sung*

✠ ***Nghĩa của thành ngữ*** không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó, mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

(nắm vững kiến thức để xác định và nêu được nghĩa thành ngữ thông dụng)

3. Trạng ngữ

a. Đặc điểm

- Ý nghĩa: Trạng ngữ là thành phần phụ của câu giúp xác định thời gian, nguyên nhân, nơi chốn, mục đích… của sự việc nêu trong câu.

- Hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu. Trạng ngữ được ngăn cách với thành phần chính của câu (Chủ ngữ + vị ngữ) bằng một quãng nghỉ khi nói hay một dấu phẩy khi viết.

b. Chức năng

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.
- Liên kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc.

Ví dụ 1: Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.

➔ TN chỉ nguyên nhân

Ví dụ 2: Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít.

➔ TN chỉ thời gian

Ví dụ 3: Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và một quả trứng gà, dặn luôn phải giắt trong người phòng khi dùng đến

➔ TN Liên kết câu về mặt thời gian, sự việc này nối tiếp sự việc kia

4. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản

- Cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản:

+ Xác định nội dung cần diễn đạt

+ Huy động các từ đồng nghĩa, gần nghĩa rồi lựa chọn từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện

+ Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được chọn với những từ ngữ sử dụng trước và sai nó trong câu (đoạn) văn

- Tác dụng: giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

5. Ẩn dụ, hoán dụ

- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

6. Cụm từ, cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

Cụm từ: Trong câu tiếng Việt, thành phần chính gồm có chủ ngữ (C) và vị ngữ (V).

- Chủ ngữ và vị ngữ của câu có thể chỉ là một từ (Ví dụ: Gà gáy, Hoa nở) nhưng cũng có thể là một cụm từ (Ví dụ: Con gà nhà tôi gáy rất to, Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn).
- Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ/động từ/tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.
- Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong câu thường có những loại như:

+*Cụm danh từ* có danh từ làm thành phần chính. Ví dụ: *hai cái răng đen nhánh.*

+*Cụm động từ* có động từ làm thành phần chính. Ví dụ: *thường dẫn tôi ra vườn.*

+*Cụm tính từ* có tính từ làm thành phần chính. Ví dụ: *rất chăm chỉ.*

Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.
- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.
- Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

Tác dụng: Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.

C. Phần Tập làm văn

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân

* **Bước 1:** Chuẩn bị trước khi viết:

- Xác định đề tài: Em có thể hồi tưởng về những kỉ niệm đáng nhớ, ví dụ:
  - Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.
  - Một lỗi lầm của bản thân.
  - Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới...
- Thu thập tư liệu: Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:
  - Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.
  - Đọc lại câu chuyện Bài học đường đời đầu tiên, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ để học lại cách các tác giả kể lại trải nghiệm của họ.
  - Tìm những hình ảnh có liên quan đến câu chuyện.

* Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý:

- Tìm ý:
  - Không gian, thời gian xảy ra câu chuyện.
  - Trình tự các sự việc, kết quả.
  - Ý nghĩa của trải nghiệm.
  - Kết hợp kể và tả.
- Lập dàn ý:

+ **Mở bài:** Giới thiệu về câu chuyện sẽ được kể.

+ **Thân bài:** Kể lại diễn biến của câu chuyện.
  - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
  - Kể lại các sự việc trong câu chuyện.

+ **Kết bài:** Kết thúc của câu chuyện và cảm xúc của người viết.

*** Bước 3:** Viết bài:

- Viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

*** Bước 4:** Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm:

- Chỉnh sửa bài viết theo 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài:

+ Mở bài:

- Dùng ngôi thứ nhất để kể.
- Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.
- Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.

+ Thân bài:

- Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.
- Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.
- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng.
- Kết hợp kể và tả.

+ Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.

- Rút kinh nghiệm để bài viết được viết tốt hơn.

THỜI GIAN LÀM BÀI KT GIỮA KỲ MÔN NGỮ VĂN 6: 90 PHÚT

- **CẤU TRÚC ĐỀ KT:**

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Ngữ liệu (Ngoài SGK)

8 câu hỏi TN: 4 điểm

2 câu hỏi vận dụng: (2đ)

II. TẬP LÀM VĂN: (4 điểm):

Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích hay truyền thuyết, kể lại một trải nghiệm của bản thân… (Tuỳ yêu cầu của đề)

ĐỀ THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):

Đọc bài thơ sau:

MẸ ỐM

Mọi hôm mẹ thích vui chơi
Hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu
Lá trầu khô giữa cơi trầu
Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay.

Cánh màn khép lỏng cả ngày
Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa
Nắng mưa từ những ngày xưa
Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.

Khắp người đau buốt, nóng ran
Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm
Người cho trứng, người cho cam
Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.

Sáng nay trời đổ mưa rào
Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương

Cả đời đi gió đi sương
Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.

Mẹ vui, con có quản gì
Ngâm thơ, kể chuyện, rồi thì múa ca
Rồi con diễn kịch giữa nhà
Một mình con sắm cả ba vai chèo.

Vì con, mẹ khổ đủ điều
Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
Con mong mẹ khỏe dần dần
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.

Rồi ra đọc sách, cấy cày
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con ...

(Nguồn: Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0.5 điểm): Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Sáu chữ B. Tự do C. Lục bát D. Tám chữ

Câu 2 (0.5 điểm): Mỗi cặp câu thơ trong bài thơ trên gồm có mấy tiếng?

A. 6-8 B. 7-8 C. 6-6 D. 8-8

Câu 3 (0.5 điểm): Từ nào trong các từ sau đây là từ láy?

A. Ruộng vườn B. Nắng mưa C. Ngọt ngào D. Cuốc cày

Câu 4 (0.5 điểm): Bài thơ trên viết về chủ đề nào?

A. Tình cảm bạn bè B. Tình cảm thầy trò
C. Tình cảm mẹ con D. Tình cảm bà cháu

Câu 5 (0.5 điểm): Cảm xúc của người con thể hiện trong bài thơ là gì?

A. Yêu thương, lo lắng khi mẹ ốm B. Đau khổ, buồn bã khi mẹ ốm
C. Vui vẻ, sung sướng khi mẹ ốm D. Thản nhiên, vô tình khi mẹ ốm

Câu 6 (0.5 điểm): Trong bài thơ, người con có thể làm những việc gì để mẹ vui?

A. Ăn ngon, ngủ say, đọc sách, cấy cày
B. Học giỏi, chăm ngoan, vâng lời, lễ phép.
C. Nấu cơm, giặt đồ, quét nhà, rửa chén.
D. Ngâm thơ, kể chuyện, múa ca, diễn kịch.

Câu 7 (0.5 điểm): Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thơ "Mẹ là đất nước, tháng ngày của con" là gì?

A. Diễn tả sự sung sướng, đủ đầy của mẹ.
B. Diễn tả sự quan trọng của mẹ đối với con.
C. Diễn tả sự an nhàn, thảnh thơi của mẹ.
D. Diễn tả sự vui vẻ, hạnh phúc của mẹ.

Câu 8 (0.5 điểm): Điều gì **không đúng** khi nói về mong ước của người con trong bài thơ trên?

A. Mẹ mau khỏe B. Mẹ ăn ngon C. Mẹ ngủ say D. Mẹ xuất viện

Câu 9 (1.0 điểm): Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc xong bài thơ trên.

Câu 10 (1.0 điểm): Em đã hoặc sẽ làm gì để người thân yêu của mình vui hơn khi họ không may bị ốm?

II. VIẾT (4.0 điểm):

Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

DÀN Ý THAM KHẢO

(ví dụ minh họa trải nghiệm của bản thân cùng gia đình chuẩn bị buổi sinh nhật cho mẹ)

Mở bài: Giới thiệu trải nghiệm mà em muốn kể.

Thân bài: Kể lại trải nghiệm theo trình tự thời gian:

1 Hoạt động chuẩn bị:

- Dọn dẹp nhà cửa:
  - em sắp xếp đồ đạc, quét nhà…
  - bố lau nhà và giặt phơi quần áo…
- Mua sắm:
  - mua các loại thức ăn, bánh kẹo, nước ngọt chuẩn bị cho bữa tối
  - mua một bó hoa và món quà (chiếc váy/son/vòng tay…) để tặng cho mẹ
  - mua các món đồ cần thiết để chuẩn bị cho bữa tiệc sinh nhật (bóng bay, pháo hoa giấy, dòng chữ Happy Birthday bằng bóng, bánh sinh nhật, nến…)

Quá trình chuẩn bị:

- Nấu ăn:
  - Bố vào bếp nấu các món tủ mà mẹ yêu thích (sườn xào chua ngọt, cá sốt cà chua…)
  - Em bày các loại kẹo, bánh đã mua vào đĩa theo hình xoắn ốc cho thật đẹp
  - Bố bày các món đã nấu lên bàn, em xếp bát đĩa, cốc nước
  - Đặt bánh sinh nhật lên giữa bàn, cắm sẵn nến
- Trang trí:
  - Thổi bóng bay và cho bóng bay khắp phòng
  - Dán dòng chữ Happy Birthday lên bức tường đối diện cửa
  - Chuẩn bị sẵn pháo hoa giấy để bắn lúc mẹ bước vào
  - Đội nón sinh nhật lên đầu
- Văn nghệ:
  - Mở sẵn ca khúc Happy Birthday
  - Chuẩn bị các bài hát để mọi người cùng ca hát

3 Diễn ra bữa tiệc

- Nghe tiếng mẹ về ngoài hành lang, liền thắp nến, tắt đèn, cầm sẵn pháo hoa giấy trên tay
- Mẹ mở cửa bước vào liền nổ pháo hoa giấy, nói lời chúc mừng sinh nhật mẹ
- Đội mũ sinh nhật cho mẹ, mời mẹ vào bàn thổi nến và cắt bánh sinh nhật
- Tặng quà sinh nhật cho mẹ và cùng nhau dùng bữa tối
- Ai cũng cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc và đầm ấm

Kết bài: Suy nghĩ, cảm xúc của em dành cho trải nghiệm đó

CHÚC CÁC CON ÔN TẬP TỐT, ĐẠT KẾT QUẢ CAO NHÉ!

KÝ DUYỆT CỦA BGH

PHT

TTCM

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Nguyễn Thị Miễn

Phạm Thị Cẩm Oanh

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NH 2023-2024
CÔNG NGHỆ 6

A. PHẦN ĐẠI CƯƠNG

- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở.
- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.
- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà.
- Nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà.
- Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả.
- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh.
- Vì sao hằng ngày chúng ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau.
- Kể được tên một số nhóm thực phẩm chính.
- Nêu được giá trị dinh dưỡng của một số nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người.
- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản, việc chế biến thực phẩm.
-Trình bày được một số phương pháp bảo quản, phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.
- Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh.
- Tính toán được sơ bộ chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.

B. CÂU HỎI GỢI Ý

I/Phần trắc nghiệm

Câu 1. Nhà ở được cấu tạo gồm:

A. móng nhà, sàn nhà, mái nhà. B. móng nhà, thân nhà, sàn nhà.
C. móng nhà, thân nhà, mái nhà. D. móng nhà, cột nhà, tường nhà.

Câu 2. Trong các vật liệu dưới đây, vật liệu nào dùng xây dựng nhà có sẵn trong tự nhiên:

A. Xi măng, đá, tre, gỗ. B. Tre, gỗ, lá, ngói.
C. Đất sét, gỗ, tôn. D. Gỗ, lá, tre, đất sét.

Câu 3. Vật liệu nào sau đây không dùng để làm tường nhà

A. Ngói. B. Gỗ. C. Tre. D. Gạch ống.

Câu 4. Kiến trúc nhà nào sau đây đặc trưng ở khu vực thành phố?

A. Nhà biệt thự, nhà nổi, nhà sàn
B. Nhà chung cư, nhà liền kề, nhà sàn.
C. Nhà chung cư, nhà liền kề, nhà biệt thự.
D. Nhà xây riêng lẻ một hay nhiều tầng, mái ngói hoặc bê tông, có sân vườn.

Câu 5. Cách làm nào sau đây giúp tiết kiệm điện trong gia đình?

A. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
B. Hạn chế thời gian mở cửa tủ lạnh.
C. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn.
D. Mở máy lạnh ở nhiệt độ thấp nhất.

Câu 6. Khi ủi đồ, người ta sẽ dùng năng lượng:

A. Gió, chất đốt. B. Điện, chất đốt
B. Mặt trời, năng lượng D. Chất đốt, mặt trời.

Câu 7. Cách làm nào sau đây không tiết kiệm năng lượng chất đốt?

A. Nấu lửa to. B. Nấu lửa vừa.
C. Dùng kiềng chắn gió cho bếp gas. D. Ngâm đậu trước khi nấu.

Câu 8. Chúng ta cần tiết kiệm năng lượng để:

A. Bảo vệ thiên nhiên, môi trường, sức khỏe, giảm chi phí.
B. Giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên.
C. Bảo vệ sức khỏe, môi trường.
D. Không cần tiết kiệm năng lượng.

Câu 9. Thiết bị được sử dụng bằng năng lượng điện là

A. bật lửa. B. bếp cồn. C. đèn dầu. D. quạt bàn.

Câu 10. Ngôi nhà thông minh có bao nhiêu đặc điểm?

A. 1 B. 2
C. 3 D. 4

Câu 11. Các đặc điểm của ngôi nhà thông minh thường là:

A. Tiện lợi, an ninh, an toàn và tiện ích.
B. Tiện ích, an ninh, tiết kiệm năng lượng.
C.Tiện ích, thông minh, tiết kiệm năng lượng.
D.Tiện ích, an ninh và tiết kiệm năng lượng.

Câu 12: Việc sử dụng pin năng lượng mặt trời khiến ngôi nhà thông minh có ưu điểm gì so với ngôi nhà thông thường:

A. Tiết kiệm năng lượng
B. Tăng vẻ đẹp ngôi nhà
C. Tận dụng năng lượng tự nhiên gió và ánh sáng
D. Cả A và C đều đúng

Câu 13: Theo tháp dinh dưỡng hằng ngày chúng ta cần sử dụng loại thực phẩm nào nhiều nhất trong các thực phẩm dưới đây?

A. Rau, củ, quả B. Dầu, mỡ
C. Thịt, cá D. Muối

Câu 14: Việc phân nhóm thức ăn không bao gồm nhóm nào?

A. Nhóm giàu chất béo
B. Nhóm giàu chất xơ
C. Nhóm giàu chất đường bột
D. Nhóm giàu chất đạm

Câu 15: Những món ăn phù hợp buổi sáng là gì?

A. Bánh mì, trứng ốp-la, sữa tươi
B. Cơm, thịt kho, canh rau, dưa hấu
C. Cơm, rau xào, cá sốt cà chua
D. Tất cả đều sai

Câu 16: Thế nào là bữa ăn hợp lí?

A. Có sự phối hợp giữa các loại thực phẩm
B. Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng với từng đối tượng
C. Đảm bảo cho cơ thể đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng
D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 17: **Phân chia số bữa ăn hợp lí?**

A. 2 bữa ăn chính và có thể có thêm các bữa ăn phụ

B. 3 bữa ăn chính và có thể có thêm các bữa ăn phụ

C. 2 bữa ăn chính.

D. 3 bữa ăn chính.

Câu 18: **Thức ăn được phân làm bao nhiêu nhóm:**

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 19: **Các bữa ăn chính trong ngày?**

A. Bữa sáng, bữa trưa, bữa chiều (tối) C. Bữa trưa, bữa chiều

B. Bữa sáng, bữa trưa. D. Bữa Sáng, bữa chiều.

Câu 20: Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí?

A. Có đầy đủ 2 nhóm thực phẩm và 3 loại món ăn chính.

B. Có đầy đủ 3 nhóm thực phẩm và 3 loại món ăn chính.

C. Có đầy đủ 4 nhóm thực phẩm và 3 loại món ăn chính.

D. Có đầy đủ 5 nhóm thực phẩm và 3 loại món ăn chính.

Câu 21: Nhóm thực phẩm nào sau đây là nguồn cung cấp chất đạm?

A. Gạo, đậu xanh, ngô, khoai. C. Thịt, trứng, sữa.

B. Bắp cải, cà rốt, táo, cam. D. Mỡ, bơ, dầu đậu nành.

Câu 22: Nhóm thực phẩm nào sau đây là nguồn cung cấp chất đường bột?

A. Gạo, đậu xanh, ngô, khoai. C. Thịt, trứng, sữa.

B. Bắp cải, cà rốt, táo, cam. D. Mỡ, bơ, dầu đậu nành.

Câu 23: Ý nào dưới đây không phải là ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm?

A. Làm thực phẩm trở nên dễ tiêu hóa

B. Làm tăng tính đa dạng của thực phẩm

C. Tạo ra nhiều sản phẩm có thời hạn sử dụng lâu dài

D. Tạo sự thuận tiện cho việc chế biến thực phẩm thành nhiều món khác nhau

Câu 24: Thực phẩm khi hư hỏng sẽ:

A. Bị giảm giá trị dinh dưỡng.

B. Gây ngộ độc hoặc gây bệnh.

C. Làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng người của người sử dụng.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 25: Vai trò của việc bảo quản thực phẩm?

A. Ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật.

B. Ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật gây hại, làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm.

C. Ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật gây hại.

D. Ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật, làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm.

Câu 26: **Phương pháp chế biến thực phẩm nào sau đây có sử dụng nhiệt?**

A. Trộn hỗn hợp B. Luộc

C. Trộn dầu giấm D. Muối chua

Câu 27: Món ăn nào sau đây không thuộc phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo?

A. Nem rán B. Rau xào

C. Thịt lợn rang D. Thịt kho

Câu 28: Phương pháp nào không phải là phương pháp làm chín thực phẩm trong nước?

A. Hấp B. Kho

C. Luộc D. Nấu

Câu 29: Món ăn nào dưới đây áp dụng phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt?

A. Chả giò. C. Gà rán.

B. Sườn nướng. D. Canh chua.

Câu 30: Món ăn nào sau đây không thuộc phương pháp làm chín thực phẩm trong nước?

A. Canh chua C. Tôm nướng

B. Rau luộc D. Thịt kho

Câu 31: Món ăn nào sau đây không thuộc phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo?

A. Nem rán C. Thịt lợn rang

B. Rau xào D. Thịt kho

Câu 32: Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

A. Để thực phẩm lâu ngày.

B. Không bảo quản thực phẩm kỹ.

C. Thực phẩm hết hạn sử dụng.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 33: Bước nào không có trong quy trình chế biến món rau xà lách trộn dầu giấm?

A. Nhặt, rửa rau xà lách.

B. Luộc ra xà lách.

C. Pha hỗn hợp dầu giấm.

D. Trộn rau xà lách với hỗn hợp dầu giấm.

Câu 34: Trong các quy trình dưới đây, đâu là thứ tự các bước chính xác trong quy trình chung chế biến thực phẩm?

A. Chế biến thực phẩm >> Sơ chế món ăn >> Trình bày món ăn.

B. Sơ chế thực phẩm >> Chế biến món ăn >> Trình bày món ăn.

C. Lựa chọn thực phẩm >> Sơ chế món ăn >> Chế biến món ăn.

D. Sơ chế thực phẩm >> Lựa chọn thực phẩm >> Chế biến món ăn.

Câu 35: Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

A. Canh cua mồng tơi.

B. Trứng tráng.

C. Rau muống luộc.

D. Dưa cải chua.

B. LÝ THUYẾT

Câu 1: Em nên làm gì để hình thành thói quên ăn uống có khoa học.

- Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí
- Ăn đúng bữa: 3 bữa chính
- Ăn đúng cách: nhai kĩ, không xem tivi, đọc sách…
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Câu 2: Trong gia đình em thường sử dụng những phương pháp bảo quản thực phẩm nào?

- Phơi khô, sấy khô
- Ướp lạnh, cấp đông
- Ngâm giấm, ngâm đường
- Ướp muối, muối chua

Câu 3: Trong gia đình em thường sử dụng những phương pháp chế biến thực phẩm nào?

a. Các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt:

- Trộn hỗn hợp thực phẩm.
- Ngâm chua

b. Các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước:

- Luộc
- Nấu
- Kho

c. Các phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo

- Rán
- Xào
- Rang

d. Các phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước

- Hấp
- Chưng

e. Các phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt

- Nướng

Câu 4: Bạn Nam xây dựng bữa ăn trưa cho gia đình mình gồm 4 người ăn bạn ấy cần chuẩn bị số lượng các loại thực phẩm như sau:

Tên thực phẩm	Gạo	Cá lóc	Rau củ	Thịt heo
Số lượng (kg)	0,5	0,5	1	0,5
Giá tiền cho 1 kg (đồng)	15 000	90 000	30 000	110 000

Em hãy giúp bạn Nam tính xem chi phí để mua các loại thực phẩm cho bữa ăn trên.

CHÚC CÁC EM THI TỐT!

GVBM

Lê Thị Duyên

TTCM

Ng Thị Hoàng Trang

Duyệt BGH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN

Đinh Thị Ngọc Linh